BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
15-10-2026 14:34:15 +07:00

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
*
Số 225-QĐ/TW

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2026

QUY ĐỊNH
về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng

- Căn cứ Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khoá XIV;

Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành Quy định về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng đối với các tổ chức đảng và đảng viên trong việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận, hướng dẫn của Đảng,... (gọi chung là chủ trương, quy định của Đảng), pháp luật của Nhà nước.

2. Quy định này áp dụng đối với tổ chức đảng và đảng viên, bao gồm cả tổ chức đảng đã hết nhiệm kỳ hoạt động, đã giải thể hoặc thay đổi do chuyển giao, chia tách, hợp nhất, sáp nhập về mặt tổ chức; đảng viên đã chuyển công tác, nghỉ việc, nghỉ hưu.

3. Đối với tổ chức đảng, đảng viên ở nước ngoài, thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng theo Quy định này và các quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Điều 2. Nguyên tắc trong kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng

1. Kiểm tra, giám sát là những chức năng lãnh đạo của Đảng. Tổ chức đảng phải tiến hành công tác kiểm tra, giám sát và chấp hành việc kiểm tra, giám sát của cấp có thẩm quyền. Tổ chức đảng và đảng viên phải thường xuyên tự kiểm tra, giám sát.

2. Tổ chức đảng cấp trên kiểm tra, giám sát tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên. Tổ chức đảng, đảng viên thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo sự phân công của tổ chức đảng có thẩm quyền.

3. Công tác kiểm tra, giám sát phải kịp thời phát hiện nhân tố mới tích cực để phát huy, phải bảo vệ cái đúng, bảo vệ người tốt, cán bộ dám đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đột phá vì lợi ích chung; phải chủ động phát hiện sớm để phòng ngừa, ngăn chặn và khắc phục khuyết điểm, vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên ngay từ khi còn mới manh nha, không để vi phạm nhỏ tích tụ thành sai phạm lớn, kéo dài và lan rộng. Khi các vụ việc vi phạm được phát hiện, phải cương quyết xử lý kỷ luật nghiêm minh, kịp thời để răn đe và giáo dục.

4. Tuân thủ đúng nguyên tắc, quy trình, thủ tục, thẩm quyền, phương pháp công tác theo quy định của Đảng; chủ động, kịp thời, công khai, dân chủ, khách quan, công tâm, thận trọng, chặt chẽ, chính xác, nghiêm minh.

5. Mọi tổ chức đảng và đảng viên đều bình đẳng trước kỷ luật của Đảng và đều phải chịu sự kiểm tra, giám sát của Đảng, không có ngoại lệ. Việc xử lý kỷ luật phải gắn với tăng cường giáo dục, quản lý, làm cho tổ chức đảng, đảng viên nhận thức được khuyết điểm, vi phạm để khắc phục, sửa chữa và làm tốt hơn.

6. Nguyên tắc, trình tự, thủ tục, thẩm quyền kỷ luật đảng được quy định tại Điều lệ Đảng, các quy định, hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Uỷ ban Kiểm tra Trung ương. Mọi tổ chức đảng và đảng viên phải tuân thủ nhằm bảo đảm việc thi hành kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên được thống nhất, chặt chẽ, công minh, chính xác, kịp thời.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Uỷ ban kiểm tra là tổ chức đảng, được lập từ đảng uỷ trực thuộc cơ sở trở lên, do cấp uỷ cùng cấp bầu hoặc ban thường vụ cấp uỷ cấp trên trực tiếp chỉ định (trong trường hợp tổ chức đảng thành lập mới, do chuyển giao, chia tách, hợp nhất, sáp nhập về tổ chức, thực hiện công tác luân chuyển cán bộ ngành kiểm tra đảng hoặc thuộc trường hợp thí điểm), gồm một số đồng chí trong cấp uỷ, ngoài cấp uỷ, các thành viên uỷ ban hoạt động chuyên trách hoặc kiêm nhiệm.

2. Cơ quan uỷ ban kiểm tra là cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ cùng cấp, cơ quan tham mưu, giúp uỷ ban kiểm tra cùng cấp thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng theo quy định của Điều lệ Đảng và thực hiện các nhiệm vụ do cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ cùng cấp giao; đồng thời, là cơ quan chuyên môn, nghiệp vụ về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của cấp uỷ và uỷ ban kiểm tra.

3. Kiểm tra của Đảng là việc các tổ chức đảng xem xét, đánh giá, kết luận về ưu điểm, khuyết điểm hoặc vi phạm (nếu có) của cấp uỷ, tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên trong việc chấp hành chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Giám sát của Đảng là việc các tổ chức đảng quan sát, theo dõi, nắm bắt, xem xét, đánh giá, kết luận hoạt động nhằm kịp thời nhắc nhở, chấn chỉnh để cấp uỷ, tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên được giám sát chấp hành nghiêm chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và khắc phục, sửa chữa hạn chế, khuyết điểm, vi phạm (nếu có). Hình thức giám sát bao gồm giám sát thường xuyên và giám sát chuyên đề; giám sát chuyên đề khi cần thiết thì thực hiện thẩm tra, xác minh.

5. Chủ thể kiểm tra, giám sát gồm: Chi bộ, đảng uỷ bộ phận, ban thường vụ đảng uỷ, đảng uỷ từ cấp trực thuộc cơ sở trở lên; uỷ ban kiểm tra; các ban đảng, văn phòng cấp uỷ (gọi chung là các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp uỷ).

6. Đối tượng kiểm tra, giám sát bao gồm: Chi uỷ, chi bộ, đảng uỷ bộ phận, ban thường vụ đảng uỷ, đảng uỷ từ cấp trực thuộc cơ sở trở lên; uỷ ban kiểm tra; các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ; đảng viên.

7. Tố cáo trong Đảng là việc công dân, đảng viên báo cho tổ chức đảng hoặc cán bộ, đảng viên có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước của tổ chức đảng hoặc đảng viên mà người tố cáo cho là gây thiệt hại hoặc đe doạ gây thiệt hại đến lợi ích của Đảng, Nhà nước, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức hoặc cá nhân.

8. Thi hành kỷ luật đảng là việc các cấp uỷ, tổ chức đảng có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với tổ chức đảng và đảng viên có vi phạm đến mức phải xử lý bằng một trong những hình thức kỷ luật được quy định tại Khoản 2, Điều 35 Điều lệ Đảng.

9. Khiếu nại kỷ luật đảng là việc tổ chức đảng, đảng viên bị thi hành kỷ luật thực hiện quyền của mình theo quy định của Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn của Đảng, đề nghị tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét lại quyết định kỷ luật đảng khi có căn cứ, cơ sở cho rằng quá trình kiểm tra, xem xét, quyết định kỷ luật đối với mình chưa đúng với quy định của Đảng, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức đảng hoặc đảng viên bị kỷ luật.

10. Khi có dấu hiệu vi phạm của tổ chức đảng, đảng viên là khi có những thông tin, tài liệu, phản ánh, đối chiếu cho thấy tổ chức đảng hoặc đảng viên không tuân theo, không làm hoặc làm trái với chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

11. Kiểm tra tài chính đảng là việc các tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét, đánh giá, kết luận về ưu điểm, khuyết điểm hoặc vi phạm (nếu có) của đối tượng kiểm tra trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về quản lý tài chính, tài sản của Đảng.

12. Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập của Đảng là uỷ ban kiểm tra cấp uỷ cơ sở trở lên.

13. Kiểm soát tài sản, thu nhập là hoạt động do Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập thực hiện theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước để biết rõ tài sản, thu nhập, biến động về tài sản, thu nhập, nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm, nguyên nhân tài sản, thu nhập bị giảm của người có nghĩa vụ kê khai nhằm phòng ngừa tham nhũng, phục vụ công tác cán bộ, kịp thời phát hiện tham nhũng, ngăn chặn hành vi tẩu tán tài sản tham nhũng, thu hồi tài sản tham nhũng.

14. Xác minh tài sản, thu nhập là việc Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập kiểm tra, làm rõ nội dung kê khai, kết luận về tính trung thực, đầy đủ, rõ ràng của bản kê khai và tính trung thực trong việc giải trình về nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm và giảm đi của người có nghĩa vụ kê khai.

15. Nhiệm vụ chuyên môn được giao là công việc thực hiện theo chức danh được chỉ định, bổ nhiệm, bầu cử; theo vị trí việc làm, chức trách, cương vị công tác trong tổ chức, cơ quan, đơn vị mà đảng viên đó là thành viên.

16. Nhiệm vụ cấp uỷ giao là nhiệm vụ do cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ (ở Trung ương là Bộ Chính trị, Ban Bí thư) phân công cấp uỷ viên, đảng viên thực hiện theo quy định.

17. Nhiệm vụ cấp trên giao là nhiệm vụ do cấp trên cử, phân công, giao cho tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên thực hiện trong hoặc ngoài phạm vi nhiệm vụ chuyên môn.

18. Chức vụ trong Đảng bao gồm: Chức vụ do tổ chức đảng bầu, chỉ định hoặc bổ nhiệm đối với đảng viên theo quy định của Đảng (kể cả chức vụ kiêm nhiệm).

19. Thời hiệu xử lý kỷ luật của Đảng là thời hạn mà khi hết thời hạn đó, tổ chức đảng, đảng viên có hành vi vi phạm không bị xử lý kỷ luật.

20. Thời hạn kiểm tra, giám sát là thời gian được tính từ ngày chủ thể kiểm tra, giám sát công bố quyết định kiểm tra, giám sát hoặc ngày nhận được báo cáo của đối tượng kiểm tra, giám sát đến ngày kết thúc cuộc kiểm tra, giám sát đó.

21. Thời gian kiểm tra, giám sát: Tính theo ngày làm việc, 1 năm tính đủ 12 tháng.

Chương II
CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA ĐẢNG

Điều 4. Cấp uỷ, tổ chức đảng

1. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát

1.1. Chủ thể: Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ các cấp.

1.2. Nội dung

a) Triển khai, quán triệt chủ trương, quy định của Đảng, của cấp uỷ cấp trên và cấp mình về công tác kiểm tra, giám sát.

b) Lãnh đạo, chỉ đạo kiểm tra, giám sát tổ chức đảng, đảng viên chấp hành chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

c) Xây dựng và chỉ đạo các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp uỷ cùng cấp và cấp uỷ cấp dưới xây dựng phương hướng, nhiệm vụ; phân công cấp uỷ viên, các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ cùng cấp thực hiện công tác kiểm tra, giám sát. Chỉ đạo, đôn đốc cấp uỷ cấp dưới thực hiện chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát.

d) Ban hành các văn bản theo thẩm quyền để các tổ chức đảng thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng và Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, Nhân dân tham gia giám sát, phản biện; đề xuất với cấp có thẩm quyền về những vấn đề cần bổ sung, sửa đổi văn bản về công tác kiểm tra, giám sát của Đảng.

đ) Chỉ đạo thực hiện việc phối hợp giữa uỷ ban kiểm tra với các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ; giữa các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ với các cơ quan liên quan. Ban hành hoặc chỉ đạo ban hành quy chế phối hợp giữa uỷ ban kiểm tra với các đảng uỷ công an, quân đội, thanh tra, kiểm toán nhà nước, viện kiểm sát, toà án nhân dân cùng cấp và các tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị khác có liên quan (do ban thường vụ cấp uỷ quyết định).

e) Nghe báo cáo và chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; giải quyết kiến nghị của tổ chức đảng cấp dưới; định kỳ sơ kết, tổng kết về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng.

g) Chỉ đạo về tổ chức, hoạt động của uỷ ban kiểm tra, cơ quan uỷ ban kiểm tra, về xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra.

h) Chỉ đạo tuyên truyền, phổ biến công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng.

2. Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra

2.1. Chủ thể kiểm tra: Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ các cấp.

2.2. Đối tượng kiểm tra

2.2.1. Tổ chức đảng thuộc phạm vi quản lý, trước hết là cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ, tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp; các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp uỷ.

2.2.2. Đảng viên thuộc phạm vi quản lý, trước hết là cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp uỷ hoặc ban thường vụ cấp uỷ cấp mình quản lý, cán bộ giữ cương vị chủ chốt hoặc được giao các nhiệm vụ quan trọng.

2.3. Nội dung kiểm tra

2.3.1. Đối với tổ chức đảng

a) Việc chấp hành chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

b) Việc chấp hành các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, giữ gìn đoàn kết nội bộ, quy chế làm việc, chế độ công tác, thực hiện dân chủ trong Đảng.

c) Việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; quản lý, rèn luyện phẩm chất, đạo đức, lối sống của đảng viên.

d) Việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện chuyển đổi số, cải cách hành chính, cải cách pháp luật và tư pháp.

đ) Việc lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan bảo vệ pháp luật trong công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án.

e) Việc tuyển dụng, tiếp nhận, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, luân chuyển, điều động, biệt phái, chuyển đổi vị trí công tác, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, nâng ngạch, chuyển ngạch, bố trí, sử dụng, giới thiệu ứng cử, bầu cử, khen thưởng, kỷ luật cán bộ, thực hiện chính sách cán bộ.

g) Việc lãnh đạo, chỉ đạo và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

h) Việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện kê khai, công khai, kiểm soát tài sản, thu nhập của cán bộ, đảng viên.

i) Việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các quy định về phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân trong việc tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.

2.3.2. Đối với đảng viên: Tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp uỷ viên và việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên.

3. Thực hiện nhiệm vụ giám sát

3.1. Chủ thể giám sát: Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ các cấp.

3.2. Đối tượng giám sát: Tổ chức đảng, đảng viên thuộc phạm vi quản lý.

3.3. Nội dung giám sát

3.3.1. Đối với tổ chức đảng: Như nội dung kiểm tra của cấp uỷ tại Tiết 2.3.1, Điểm 2.3, Khoản 2, Điều 4 Quy định này.

3.3.2. Đối với đảng viên: Tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp uỷ viên và việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên.

4. Thẩm quyền, trách nhiệm của chủ thể, đối tượng kiểm tra, giám sát

4.1. Đối với chủ thể kiểm tra, giám sát

a) Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng và tình hình thực tế để xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát, xác định rõ nội dung, đối tượng, thời gian, phương pháp tiến hành, thành phần đoàn kiểm tra, giám sát chuyên đề.

b) Yêu cầu các tổ chức đảng và đảng viên có liên quan báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu theo nội dung kiểm tra, giám sát chuyên đề và phải giữ bí mật thông tin, tài liệu.

c) Thông báo phân công cấp uỷ viên thực hiện việc giám sát thường xuyên, thành lập các tổ (đoàn) giám sát thường xuyên; cấp uỷ viên được phân công thực hiện nhiệm vụ giám sát thường xuyên; các tổ (đoàn) giám sát thường xuyên được yêu cầu các tổ chức, cá nhân có liên quan báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu, văn bản theo nội dung giám sát và chịu trách nhiệm về bảo mật các nội dung, thông tin, tài liệu được cung cấp; có trách nhiệm báo cáo kết quả giám sát bằng văn bản cho chủ thể giám sát theo quy định.

d) Cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ trực tiếp kiểm tra hoặc giao uỷ ban kiểm tra tiến hành kiểm tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm của tổ chức đảng, đảng viên; xem xét, xử lý theo thẩm quyền đối với các tổ chức đảng, đảng viên có vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật.

đ) Khi thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát chuyên đề, cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ thẩm tra, xác minh, phân tích, đánh giá, nhận xét về ưu điểm, khuyết điểm và nguyên nhân; rút kinh nghiệm về lãnh đạo, chỉ đạo, về tổ chức thực hiện; bổ sung, sửa đổi những vấn đề cần thiết; cử cấp uỷ viên trực tiếp chỉ đạo, giám sát tổ chức đảng cấp dưới, đảng viên sửa chữa, khắc phục yếu kém, khuyết điểm, vi phạm; phân công cấp uỷ viên, cán bộ theo dõi địa bàn trực tiếp chỉ đạo, giám sát tổ chức đảng cấp dưới, đảng viên chấp hành kết luận, kiến nghị kiểm tra, giám sát.

e) Nếu phát hiện đối tượng kiểm tra, giám sát không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc ban hành các văn bản trái quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước thì quyết định bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc yêu cầu, kiến nghị tổ chức đảng,

cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thu hồi các văn bản trái chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

g) Đề nghị cơ quan có thẩm quyền giám định chuyên môn, kỹ thuật liên quan đến nội dung kiểm tra, giám sát.

4.2. Đối với đối tượng kiểm tra, giám sát

a) Chấp hành nghiêm Điều lệ Đảng, các quy định của Đảng về kiểm tra, giám sát, các quyết định, kết luận, yêu cầu của chủ thể kiểm tra, giám sát; báo cáo, giải trình đầy đủ, trung thực về các nội dung được yêu cầu.

b) Không để lộ nội dung kiểm tra, giám sát cho tổ chức, cá nhân không có trách nhiệm biết; không được sử dụng thiết bị ghi âm, ghi hình, thu phát sóng khi làm việc với chủ thể kiểm tra, giám sát.

c) Được sử dụng bằng chứng có liên quan đến nội dung kiểm tra, giám sát để báo cáo, giải trình; bảo lưu ý kiến và đề nghị tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét lại nhận xét, đánh giá, kết luận, quyết định đối với mình hoặc việc thực hiện nguyên tắc, quy trình, thủ tục, nội dung, yêu cầu, trách nhiệm, thẩm quyền của chủ thể kiểm tra, giám sát.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định

5.1. Thi hành kỷ luật trong Đảng, giải quyết tố cáo, giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng, đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ của cấp uỷ viên và đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng theo thẩm quyền.

5.2. Kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với tổ chức đảng, đảng viên ở lĩnh vực phức tạp, nhạy cảm, quan trọng hoặc liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành.

Điều 5. Các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp uỷ

1. Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra

1.1. Đối tượng kiểm tra

a) Chi uỷ, chi bộ, cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ, trước hết là cấp dưới trực tiếp.

b) Đảng viên thuộc lĩnh vực phụ trách và các đối tượng khác do cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ cùng cấp giao.

1.2. Nội dung kiểm tra: Theo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực được phân công phụ trách và những nội dung do cấp uỷ giao.

1.3. Thẩm quyền và trách nhiệm

a) Xây dựng chương trình, kế hoạch và sử dụng bộ máy của cơ quan mình tiến hành kiểm tra hoặc phối hợp với uỷ ban kiểm tra và các cơ quan tham mưu, giúp việc khác của cấp uỷ để tiến hành công tác kiểm tra.

b) Phối hợp với uỷ ban kiểm tra cùng cấp tham mưu, giúp cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch kiểm tra của cấp uỷ hằng năm thuộc lĩnh vực phụ trách; tham gia hoặc cử cán bộ tham gia các cuộc kiểm tra của cấp uỷ hoặc chủ trì kiểm tra khi được cấp uỷ giao.

c) Giúp cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ theo dõi, đôn đốc tổ chức đảng cấp dưới thực hiện nhiệm vụ kiểm tra; tham gia ý kiến và giúp cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ kết luận các nội dung kiểm tra thuộc lĩnh vực được giao.

d) Khi thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, được yêu cầu tổ chức đảng và đảng viên có liên quan báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến việc kiểm tra và phải giữ bí mật nội dung thông tin, tài liệu.

đ) Qua kiểm tra, yêu cầu đối tượng kiểm tra kịp thời khắc phục, sửa chữa hạn chế, khuyết điểm; nếu phát hiện có dấu hiệu vi phạm thì đề nghị tổ chức đảng có thẩm quyền kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm.

e) Đề nghị cơ quan có thẩm quyền giám định chuyên môn, kỹ thuật liên quan đến nội dung kiểm tra.

2. Thực hiện nhiệm vụ giám sát

2.1. Đối tượng giám sát: Như đối tượng kiểm tra được quy định tại Điểm 1.1, Khoản 1, Điều 5 Quy định này.

2.2. Nội dung giám sát

2.2.1. Đối với tổ chức đảng

a) Việc chấp hành chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước liên quan đến đối tượng giám sát.

b) Việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn thuộc lĩnh vực phụ trách và những nội dung do cấp uỷ giao.

2.2.2. Đối với đảng viên: Việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên, nhiệm vụ cấp uỷ viên liên quan đến lĩnh vực phụ trách của đối tượng giám sát.

2.3. Thẩm quyền và trách nhiệm

a) Xây dựng chương trình, kế hoạch và sử dụng bộ máy của cơ quan mình hoặc phối hợp với uỷ ban kiểm tra và các cơ quan tham mưu, giúp việc khác của cấp uỷ để tiến hành công tác giám sát; cử cán bộ tham gia các đoàn giám sát của cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ cùng cấp hoặc cấp trên.

b) Phối hợp với uỷ ban kiểm tra cùng cấp tham mưu, giúp cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch giám sát của cấp uỷ hằng năm thuộc lĩnh vực phụ trách.

c) Các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ và cán bộ, công chức được phân công theo dõi lĩnh vực, địa bàn khi thực hiện nhiệm vụ giám sát được yêu cầu tổ chức đảng, đảng viên thuộc phạm vi phụ trách báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến việc giám sát và phải giữ bí mật nội dung thông tin, tài liệu đó.

d) Qua giám sát, kịp thời nhắc nhở đối tượng được giám sát phát huy ưu điểm, khắc phục, sửa chữa thiếu sót, khuyết điểm; nếu phát hiện tổ chức đảng hoặc đảng viên có dấu hiệu vi phạm thì báo cáo hoặc đề nghị tổ chức đảng có thẩm quyền kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm.

đ) Nếu phát hiện tổ chức đảng cấp dưới hoặc đảng viên không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc ban hành các văn bản trái chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước thì báo cáo cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ cùng cấp xem xét, xử lý.

3. Chủ trì giải quyết tố cáo theo quy định của Bộ Chính trị hoặc cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ cùng cấp về giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng, đảng viên (kể cả đảng viên là cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư hoặc cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ cùng cấp quản lý) có nội dung liên quan đến lĩnh vực phụ trách.

Điều 6. Chi bộ

1. Xây dựng kế hoạch và tiến hành kiểm tra, giám sát đảng viên trong chi bộ thực hiện nhiệm vụ đảng viên. Tập trung kiểm tra việc thực hiện nghị quyết của chi bộ, nhiệm vụ do chi bộ phân công và quy định về trách nhiệm nêu gương, về những điều đảng viên không được làm. Giám sát thường xuyên, giám sát chuyên đề đối với đảng viên trong việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên, thực hiện nhiệm vụ chuyên môn được giao.

2. Giải quyết tố cáo và kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với đảng viên trong chi bộ về phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống; "tự diễn biến", "tự chuyển hoá", sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ chi bộ giao, nhiệm vụ đảng viên (trừ nhiệm vụ cấp trên giao).

Điều 7. Uỷ ban kiểm tra các cấp

1. Nguyên tắc tổ chức và chế độ làm việc

1.1. Nguyên tắc tổ chức

a) Uỷ ban kiểm tra được lập từ đảng uỷ trực thuộc cơ sở trở lên, do cấp uỷ cùng cấp bầu, bầu uỷ viên uỷ ban kiểm tra trước, sau đó bầu chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra trong số uỷ viên uỷ ban kiểm tra. Phó chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra do uỷ ban kiểm tra bầu trong số uỷ viên uỷ ban kiểm tra. Việc bầu cử được thực hiện theo Quy chế bầu cử trong Đảng. Trường hợp tổ chức đảng thành lập mới, do chuyển giao, chia tách, hợp nhất, sáp nhập, thực hiện công tác điều động, luân chuyển cán bộ ngành Kiểm tra Đảng thì thí điểm ban thường vụ cấp uỷ cấp trên trực tiếp chỉ định uỷ viên uỷ ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm.

b) Nhiệm kỳ hoạt động của uỷ ban kiểm tra theo nhiệm kỳ của cấp uỷ cùng cấp. Uỷ ban kiểm tra khoá mới điều hành công việc ngay sau khi được bầu, chỉ định và nhận bàn giao từ uỷ ban kiểm tra khoá trước. Chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra được ký ban hành văn bản ngay sau khi được bầu hoặc chỉ định.

c) Các thành viên uỷ ban kiểm tra cấp dưới phải được ban thường vụ cấp uỷ cấp trên trực tiếp chuẩn y, nếu điều động, luân chuyển thành viên uỷ ban kiểm tra sang công tác khác phải được ban thường vụ cấp uỷ cấp trên trực tiếp đồng ý.

Uỷ viên uỷ ban kiểm tra khi có quyết định nghỉ công tác chờ nghỉ hưu, quyết định nghỉ hưu hoặc chuyển vị trí công tác khác, chuyển công tác sang tổ chức đảng khác không cơ cấu uỷ viên uỷ ban kiểm tra, không thực hiện kiêm nhiệm thì đương nhiên thôi thành viên uỷ ban kiểm tra kể từ khi quyết định có hiệu lực thi hành; ban thường vụ cấp uỷ không phải ban hành quyết định thôi tham gia thành viên uỷ ban kiểm tra (kể cả chức danh chủ nhiệm, phó chủ nhiệm).

d) Uỷ ban kiểm tra phối hợp với ban tổ chức (hoặc ban xây dựng Đảng) của cấp uỷ cùng cấp chuẩn bị nhân sự uỷ ban kiểm tra cấp mình và phối hợp với cấp uỷ cấp dưới chuẩn bị nhân sự uỷ ban kiểm tra cấp dưới (kể cả nhân sự dự kiến chỉ định); giúp cấp uỷ xây dựng, ban hành quy chế làm việc của uỷ ban kiểm tra; tham mưu kiện toàn cơ quan uỷ ban kiểm tra về tổ chức bộ máy, đào tạo, bồi dưỡng, thực hiện chế độ, chính sách, xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra; tham mưu xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện luân chuyển cán bộ kiểm tra và bố trí công tác đối với cán bộ sau luân chuyển.

Khi cần bổ sung uỷ viên uỷ ban kiểm tra, phó chủ nhiệm còn thiếu so với đề án nhân sự được phê duyệt thì ban thường vụ cấp uỷ thực hiện quy trình giới thiệu nhân sự và báo cáo ban thường vụ cấp uỷ cấp trên (qua uỷ ban kiểm tra cấp trên) để xem xét, quyết định (không phải xin chủ trương bổ sung số lượng nhân sự còn thiếu).

Khi thay đổi chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra thì phải trao đổi với uỷ ban kiểm tra cấp trên để báo cáo ban thường vụ cấp uỷ xem xét, quyết định, trước khi thực hiện quy trình công tác cán bộ.

đ) Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với Uỷ ban Kiểm tra Trung ương tham mưu Ban Bí thư quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của cơ quan uỷ ban kiểm tra cấp dưới.

1.2. Chế độ làm việc

Uỷ ban kiểm tra thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số, chịu sự lãnh đạo trực tiếp của cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ cùng cấp và sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát của uỷ ban kiểm tra cấp trên, cụ thể:

a) Uỷ ban kiểm tra có thể uỷ quyền cho tập thể thường trực uỷ ban (nơi có từ 2 phó chủ nhiệm trở lên) quyết định một số vấn đề cụ thể (theo quy chế làm việc của uỷ ban và quy định chế độ làm việc của cơ quan uỷ ban kiểm tra). Thường trực uỷ ban gồm chủ nhiệm và các phó chủ nhiệm. Đối với Uỷ ban Kiểm tra Quân uỷ Trung ương, Uỷ ban Kiểm tra Đảng uỷ Công an Trung ương, thường trực uỷ ban kiểm tra gồm chủ nhiệm, các phó chủ nhiệm và các uỷ viên chuyên trách.

b) Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Điều lệ Đảng và quy chế làm việc; xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát, định kỳ báo cáo cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ về kết quả thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng, việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quyết định, quy định, kết luận của cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng, việc thực hiện quy chế làm việc của uỷ ban kiểm tra và các nhiệm vụ do cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ giao; chịu sự kiểm tra, giám sát của cấp uỷ.

c) Làm việc dưới sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát của uỷ ban kiểm tra cấp trên trong việc:

- Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Điều lệ Đảng, của Trung ương và hướng dẫn của Uỷ ban Kiểm tra Trung ương.

- Phương hướng, nhiệm vụ, nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng; việc tham mưu và xây dựng nội dung, chương trình kiểm tra, giám sát chuyên đề hằng năm.

- Báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra, giám sát mà uỷ ban kiểm tra cấp trên đang tiến hành.

- Tuyên truyền, phổ biến công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng.

- Khi cần thiết, uỷ ban kiểm tra cấp trên trực tiếp chỉ đạo giải quyết một số vấn đề cụ thể trong việc thực hiện nhiệm vụ công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của cấp uỷ, tổ chức đảng, uỷ ban kiểm tra cấp dưới.

1.3. Quyền hạn

a) Uỷ ban kiểm tra có quyền yêu cầu tổ chức đảng cấp dưới, đảng viên báo cáo, cung cấp hồ sơ, tài liệu, dữ liệu về những vấn đề liên quan đến nội dung kiểm tra, giám sát.

b) Uỷ ban kiểm tra cấp trên có quyền kiểm tra lại kết luận, thông báo, quyết định của cấp uỷ, tổ chức đảng, uỷ ban kiểm tra cấp dưới về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát cấp uỷ, tổ chức đảng, uỷ ban kiểm tra cấp dưới về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng.

c) Khi cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ, tổ chức đảng gửi các văn bản, báo cáo cho cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ cấp trên thì đồng thời gửi uỷ ban kiểm tra cấp trên.

d) Thực hiện thẩm định về công tác cán bộ khi được cấp uỷ giao (có ý kiến về tình hình đơn, thư phản ánh, tố cáo; về thực hiện kết luận kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; về kê khai tài sản, thu nhập; về thực hiện nhiệm vụ đảng viên và trách nhiệm nêu gương của đảng viên nơi công tác…).

đ) Đề nghị các tổ chức, cơ quan, đơn vị liên quan cử cán bộ tham gia các tổ (đoàn) kiểm tra, giám sát.

e) Được quyền kết nối cơ sở dữ liệu của các cơ quan nhà nước trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, đăng ký tài sản, đất đai, thuế, thanh tra, kiểm toán, truy tố, xét xử, thi hành án và các cơ sở dữ liệu khác để phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát; việc truy cập, sử dụng cơ sở dữ liệu thực hiện theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

g) Khi tiến hành công tác kiểm tra, giám sát được sử dụng một số biện pháp: Ghi âm, ghi hình; niêm phong hồ sơ, tài liệu; yêu cầu cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, quyết định áp dụng biện pháp phong toả tài khoản, kê biên tài sản, tạm hoãn xuất cảnh và các biện pháp khác theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

1.4. Trường hợp uỷ ban kiểm tra có ý kiến khác với ban thường vụ cấp uỷ, cấp uỷ thì uỷ ban kiểm tra phải chấp hành kết luận, quyết định của ban thường vụ cấp uỷ, cấp uỷ, đồng thời báo cáo uỷ ban kiểm tra cấp trên. Trường hợp uỷ ban kiểm tra cấp trên có ý kiến khác với ban thường vụ, cấp uỷ cấp dưới thì báo cáo cấp uỷ cùng cấp xem xét, quyết định. Trường hợp Uỷ ban Kiểm tra Trung ương có ý kiến khác với đảng uỷ, tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương thì báo cáo Ban Bí thư, Bộ Chính trị xem xét, quyết định.

1.5. Uỷ ban Kiểm tra Quân uỷ Trung ương chỉ đạo, hướng dẫn uỷ ban kiểm tra đảng uỷ các quân khu, bộ đội biên phòng phối hợp với uỷ ban kiểm tra các tỉnh uỷ, thành uỷ (chủ trì) tiến hành công tác kiểm tra, giám sát đối với các tổ chức đảng, đảng viên thuộc đảng bộ quân sự tỉnh, thành phố.

1.6. Uỷ ban kiểm tra tỉnh uỷ, thành uỷ chủ trì, phối hợp với Uỷ ban Kiểm tra Đảng uỷ Công an Trung ương tiến hành công tác kiểm tra, giám sát đối với các tổ chức đảng, đảng viên trong Công an nhân dân các địa phương.

2. Cơ cấu tổ chức và số lượng uỷ viên uỷ ban kiểm tra các cấp

2.1. Uỷ ban Kiểm tra Trung ương

Số lượng từ 23 đến 25 uỷ viên (trong đó có 2 đến 3 uỷ viên kiêm nhiệm), trong đó không quá một phần ba là Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Thường trực Uỷ ban Kiểm tra Trung ương gồm Chủ nhiệm và các Phó Chủ nhiệm; số lượng Phó Chủ nhiệm do Bộ Chính trị quyết định.

2.2. Uỷ ban kiểm tra tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương

a) Số lượng từ 11 đến 13 uỷ viên chuyên trách; riêng Uỷ ban Kiểm tra Thành uỷ Hà Nội, Thành uỷ Thành phố Hồ Chí Minh: Số lượng từ 13 đến 15 uỷ viên chuyên trách (do cấp uỷ quyết định).

b) Chủ nhiệm là uỷ viên ban thường vụ, từ 3 đến 4 phó chủ nhiệm (phó chủ nhiệm thường trực là cấp uỷ viên) và một số uỷ viên; riêng Uỷ ban Kiểm tra Thành uỷ Hà Nội, Thành uỷ Thành phố Hồ Chí Minh không quá 5 phó chủ nhiệm.

2.3. Uỷ ban Kiểm tra Đảng uỷ các cơ quan Đảng Trung ương, Đảng uỷ Chính phủ, Đảng uỷ Quốc hội và Đảng uỷ Dân vận, Mặt trận và các đoàn thể Trung ương.

a) Số lượng từ 9 đến 11 uỷ viên; riêng Uỷ ban Kiểm tra Đảng uỷ Chính phủ từ 11 đến 13 uỷ viên, Uỷ ban Kiểm tra Đảng uỷ các cơ quan Đảng Trung ương không quá 13 uỷ viên, gồm uỷ viên chuyên trách và kiêm nhiệm (do cấp uỷ quyết định), Chủ nhiệm Uỷ ban Kiểm tra là đồng chí Phó Bí thư hoặc Uỷ viên Ban Thường vụ Đảng uỷ kiêm nhiệm.

b) Các uỷ viên chuyên trách gồm: Từ 2 đến 3 phó chủ nhiệm và một số uỷ viên; riêng Uỷ ban Kiểm tra Đảng uỷ Chính phủ có từ 3 đến 4 phó chủ nhiệm; phó chủ nhiệm thường trực là cấp uỷ viên.

2.4. Uỷ ban Kiểm tra Quân uỷ Trung ương

a) Số lượng từ 11 đến 13 uỷ viên (do Quân uỷ Trung ương quyết định), trong đó có 8 đến 10 uỷ viên chuyên trách và từ 3 đến 5 uỷ viên kiêm nhiệm (bao gồm: Chủ nhiệm Uỷ ban là Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Thứ trưởng

Bộ Quốc phòng, Cục trưởng Cục Tổ chức, Cục trưởng Cục Cán bộ, Chánh Thanh tra Bộ Quốc phòng); có 2 đến 3 uỷ viên là Uỷ viên Quân uỷ Trung ương.

b) Các uỷ viên chuyên trách gồm: 4 phó chủ nhiệm (có 1 phó chủ nhiệm thường trực là cấp uỷ viên) và một số uỷ viên.

2.5. Uỷ ban Kiểm tra Đảng uỷ Công an Trung ương

a) Số lượng từ 11 đến 13 uỷ viên (do Đảng uỷ Công an Trung ương quyết định), trong đó có từ 8 đến 10 uỷ viên chuyên trách và 3 đến 5 uỷ viên kiêm nhiệm (bao gồm: Chủ nhiệm Uỷ ban là Phó Bí thư hoặc Uỷ viên Ban Thường vụ Đảng uỷ Công an Trung ương, Thứ trưởng Bộ Công an; Cục trưởng Cục Tổ chức cán bộ; Chánh Thanh tra Bộ Công an); có từ 2 đến 3 uỷ viên là Uỷ viên Đảng uỷ Công an Trung ương.

b) Các uỷ viên chuyên trách gồm: 4 phó chủ nhiệm (có 1 phó chủ nhiệm thường trực là cấp uỷ viên) và một số uỷ viên.

2.6. Uỷ ban kiểm tra đảng uỷ cơ sở

2.6.1. Uỷ ban kiểm tra đảng uỷ xã, phường, đặc khu

Số lượng từ 3 đến 7 uỷ viên chuyên trách (do cấp uỷ quyết định), phó bí thư hoặc uỷ viên ban thường vụ đảng uỷ làm chủ nhiệm; từ 1 đến 2 phó chủ nhiệm (trong đó 1 phó chủ nhiệm thường trực là cấp uỷ viên).

2.6.2. Uỷ ban kiểm tra đảng uỷ cơ sở khác

a) Số lượng từ 5 đến 7 uỷ viên, có từ 2 đến 3 uỷ viên kiêm nhiệm (do cấp uỷ quyết định), trong đó phó bí thư hoặc uỷ viên ban thường vụ đảng uỷ làm chủ nhiệm; từ 1 đến 2 phó chủ nhiệm; riêng uỷ ban kiểm tra đảng uỷ hội đồng nhân dân cấp tỉnh số lượng từ 3 đến 5 uỷ viên, có từ 1 đến 3 uỷ viên kiêm nhiệm (do cấp uỷ quyết định), trong đó phó bí thư hoặc uỷ viên ban thường vụ đảng uỷ làm chủ nhiệm.

b) Các uỷ viên chuyên trách gồm: Phó chủ nhiệm thường trực là cấp uỷ viên và một số uỷ viên chuyên trách là cán bộ cơ quan uỷ ban kiểm tra đảng uỷ.

c) Trường hợp không đủ điều kiện thành lập cơ quan uỷ ban kiểm tra thì số lượng uỷ viên chuyên trách hoặc kiêm nhiệm do cấp uỷ quyết định sau khi thống nhất với uỷ ban kiểm tra cấp trên trực tiếp.

2.7. Uỷ ban kiểm tra đảng uỷ trực thuộc cơ sở

a) Số lượng từ 3 đến 5 uỷ viên, gồm uỷ viên chuyên trách và kiêm nhiệm (do cấp uỷ quyết định), chủ nhiệm là phó bí thư hoặc uỷ viên ban thường vụ cấp uỷ, có 1 phó chủ nhiệm; các uỷ viên kiêm nhiệm có thể là cấp uỷ viên cùng cấp hoặc đảng viên phụ trách công tác tổ chức, đoàn thể, bí thư chi bộ.

b) Các uỷ viên chuyên trách gồm: Phó chủ nhiệm là cấp uỷ viên và có thể gồm một số uỷ viên.

2.8. Uỷ ban kiểm tra đảng uỷ đặc khu khác (trường hợp không đủ điều kiện thực hiện như Điểm 2.6, Khoản 2 Điều này) thì thực hiện như Điểm 2.7 hoặc 2.10, Khoản 2 Điều này.

2.9. Tổ chức cơ sở đảng trong cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp không thuộc đối tượng quy định tại Điểm 2.7, Khoản 2, Điều 7 Quy định này, có từ 400 đảng viên trở lên thì uỷ ban kiểm tra có từ 5 đến 7 uỷ viên (do cấp uỷ quyết định), bố trí 1 phó chủ nhiệm chuyên trách.

2.10. Đảng uỷ bộ phận và chi bộ không lập uỷ ban kiểm tra; tập thể cấp uỷ, chi bộ thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và phân công 1 cấp uỷ viên phụ trách. Có thể lựa chọn phân công một số đảng viên giúp đồng chí cấp uỷ viên phụ trách làm công tác kiểm tra, giám sát.

2.11. Tổ chức bộ máy, số lượng uỷ viên uỷ ban kiểm tra đảng uỷ cơ sở và đảng uỷ trực thuộc cơ sở thuộc Quân uỷ Trung ương, Đảng uỷ Công an Trung ương, do Uỷ ban Kiểm tra Trung ương hướng dẫn sau khi thống nhất với các đảng uỷ nêu trên và Ban Tổ chức Trung ương.

2.12. Đối với uỷ ban kiểm tra thuộc đảng bộ thực hiện hợp nhất, sáp nhập thì số lượng uỷ viên uỷ ban kiểm tra tại thời điểm hợp nhất, sáp nhập có thể nhiều hơn số lượng nêu trên nhưng không quá tổng số lượng hiện có của các uỷ ban kiểm tra trước khi hợp nhất, sáp nhập, chậm nhất sau 5 năm kể từ ngày thành lập đảng bộ mới, thì số lượng phải thực hiện theo Quy định này.

Trường hợp có những yêu cầu khác với nội dung Điều 7 của Quy định này thì cấp uỷ hoặc ban thường vụ cấp uỷ phải báo cáo với cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra cấp trên trực tiếp, khi được sự đồng ý (bằng văn bản) mới tổ chức thực hiện.

3. Về thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát

3.1. Thực hiện nhiệm vụ giám sát

3.1.1. Nội dung giám sát

a) Đối với tổ chức đảng

- Việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chủ trương, quy định của Đảng, của cấp uỷ cấp trên và cấp mình, pháp luật của Nhà nước.

- Việc ban hành các văn bản triển khai thực hiện chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Việc thực hiện các kết luận, quyết định kiểm tra, giám sát và kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm.

- Việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện kê khai, công khai, kiểm soát tài sản, thu nhập theo quy định.

b) Đối với đảng viên (kể cả cấp uỷ viên cùng cấp và cán bộ thuộc diện cấp uỷ cùng cấp quản lý).

- Việc chấp hành chủ trương, quy định của Đảng, của cấp uỷ cấp trên và cấp mình, pháp luật của Nhà nước.

- Thực hiện các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, quy chế làm việc, chế độ công tác.

- Tư tưởng chính trị, giữ gìn đạo đức, lối sống và trách nhiệm nêu gương theo các quy định của Đảng.

- Về tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp uỷ viên và trong thực hiện nhiệm vụ đảng viên.

- Việc kê khai, công khai tài sản, thu nhập theo quy định.

3.1.2. Đối tượng giám sát

a) Đối với tổ chức đảng: Các tổ chức đảng cấp dưới, trước hết là cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra cấp dưới trực tiếp.

b) Đối với đảng viên: Cấp uỷ viên cùng cấp, cán bộ thuộc diện cấp uỷ cùng cấp quản lý, khi cần thiết giám sát đảng viên do cấp dưới quản lý.

3.1.3. Thẩm quyền và trách nhiệm

a) Uỷ ban kiểm tra các cấp căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng và tình hình thực tế để xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát, xác định rõ nội dung, đối tượng, thời gian, phương pháp tiến hành, tổ chức thành phần đoàn giám sát.

b) Uỷ ban kiểm tra phân công thành viên uỷ ban dự các cuộc họp của cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ cùng cấp; cử cán bộ cơ quan uỷ ban kiểm tra dự các hội nghị của cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ cấp dưới, kể cả tổ chức đảng cấp dưới cách cấp có đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp uỷ cùng cấp quản lý cùng công tác và sinh hoạt cấp uỷ, sinh hoạt đảng, tổ chức đảng cấp dưới cách cấp có vị trí, vai trò quan trọng trong hệ thống chính trị, khu vực doanh nghiệp nhà nước.

c) Thành viên uỷ ban kiểm tra, đoàn giám sát và cán bộ được giao nhiệm vụ được yêu cầu các cấp uỷ, tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên giải trình, cung cấp tài liệu, báo cáo về các nội dung giám sát; có trách nhiệm bảo mật thông tin, tài liệu và chịu trách nhiệm về việc giám sát trước uỷ ban kiểm tra.

d) Qua giám sát phải kịp thời báo cáo, kiến nghị cấp uỷ, tổ chức đảng, đảng viên được giám sát phát huy ưu điểm, nhắc nhở, uốn nắn, khắc phục, sửa chữa thiếu sót, khuyết điểm.

đ) Nếu phát hiện cấp uỷ, tổ chức đảng cấp dưới ban hành văn bản trái chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước thì uỷ ban kiểm tra yêu cầu xem xét lại, nếu không khắc phục, xử lý thì báo cáo cấp uỷ cùng cấp xem xét trách nhiệm của cấp uỷ, tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên có liên quan.

e) Qua giám sát nếu phát hiện tổ chức đảng cấp dưới hoặc đảng viên có dấu hiệu vi phạm thì quyết định kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm.

3.2. Kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm

3.2.1. Việc phát hiện, xác định dấu hiệu vi phạm thông qua

a) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra của các cấp uỷ, tổ chức đảng, tổ chức nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức kinh tế và giám sát của Nhân dân.

b) Báo cáo, kiến nghị của cấp uỷ, tổ chức đảng cấp dưới; của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân.

c) Tự phê bình và phê bình của tổ chức đảng và đảng viên; việc bình xét, phân tích chất lượng đảng viên, tổ chức đảng.

d) Tố cáo, khiếu nại, phản ánh, kiến nghị của tổ chức đảng, đảng viên và Nhân dân.

đ) Phản ánh của các phương tiện thông tin đại chúng đã được kiểm chứng.

e) Phần mềm giám sát, hệ thống cơ sở dữ liệu số.

3.2.2. Nội dung kiểm tra

a) Đối với tổ chức đảng

- Việc chấp hành chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Việc chấp hành các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, giữ gìn đoàn kết nội bộ, quy chế làm việc, chế độ công tác, thực hiện dân chủ trong Đảng.

- Việc thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

- Việc quản lý, giáo dục, rèn luyện phẩm chất, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên.

- Việc tuyển dụng, tiếp nhận, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, luân chuyển, điều động, biệt phái, chuyển đổi vị trí công tác, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại,

từ chức, miễn nhiệm, cho thôi giữ chức vụ, tạm đình chỉ chức vụ, đình chỉ chức vụ, bố trí, sử dụng, giới thiệu ứng cử, đề cử, bầu cử, tái cử, chỉ định, nâng ngạch, chuyển ngạch; phong, thăng, giáng, tước quân hàm; khen thưởng, kỷ luật cán bộ.

b) Đối với đảng viên: Tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp uỷ viên và việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên.

3.2.3. Đối tượng kiểm tra

a) Đối với tổ chức đảng: Các tổ chức đảng cấp dưới, trước hết là cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ cấp dưới trực tiếp; cấp uỷ, tổ chức đảng thuộc phạm vi lãnh đạo, quản lý của cấp uỷ cùng cấp.

b) Đối với đảng viên: Đảng viên, trước hết là cấp uỷ viên cùng cấp, đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp uỷ cùng cấp quản lý khi có dấu hiệu vi phạm; khi cần thiết thì kiểm tra đảng viên do tổ chức đảng cấp dưới quản lý.

3.2.4. Thẩm quyền quyết định kiểm tra

Uỷ ban kiểm tra (nơi không có thường trực uỷ ban kiểm tra) hoặc thường trực uỷ ban kiểm tra quyết định kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với tổ chức đảng và đảng viên.

3.3. Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát

3.3.1. Nội dung kiểm tra

a) Việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát của các tổ chức đảng cấp dưới theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn.

b) Việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức hoạt động của uỷ ban kiểm tra, xây dựng tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ của cơ quan uỷ ban kiểm tra cấp dưới.

3.3.2. Đối tượng kiểm tra: Các tổ chức đảng cấp dưới, trước hết là cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra cấp dưới trực tiếp; các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp uỷ cùng cấp.

3.4. Kiểm tra việc thi hành kỷ luật trong Đảng

3.4.1. Nội dung kiểm tra

a) Việc thực hiện phương hướng, phương châm, nguyên tắc, quy trình, thủ tục, thẩm quyền thi hành kỷ luật đối với tổ chức đảng, đảng viên và việc giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng.

b) Xem xét các vụ vi phạm đến mức phải xử lý nhưng không xử lý hoặc xử lý không đúng mức, xử lý không kịp thời.

c) Việc chấp hành các quyết định, chỉ thị, kết luận, thông báo của tổ chức đảng cấp trên có liên quan đến việc thi hành kỷ luật và giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng.

3.4.2. Đối tượng kiểm tra: Các tổ chức đảng cấp dưới có thẩm quyền thi hành kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên và giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng.

3.5. Kiểm tra tài chính của cấp uỷ cấp dưới và của cơ quan tài chính cấp uỷ cùng cấp

3.5.1. Nội dung kiểm tra

a) Đối với cấp uỷ cấp dưới:

- Việc ban hành các quy định, quyết định về quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của cấp uỷ.

- Việc thực hiện và chỉ đạo các cơ quan, tổ chức đảng cấp dưới (cơ quan tài chính của cấp uỷ, các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ cùng cấp và cấp uỷ cấp dưới) chấp hành các quy định của Đảng, pháp luật về tài chính, tài sản.

- Việc thực hiện các quy định về chế độ kế toán, chứng từ; về thanh quyết toán, chi tiêu tài chính, quản lý tài sản của Đảng; việc kiểm tra tài chính đối với tổ chức đảng trực thuộc.

b) Đối với cơ quan tài chính cấp uỷ cùng cấp:

- Việc tham mưu cho cấp uỷ ban hành các chính sách, quyết định, quy định về quản lý, sử dụng tài chính, tài sản.

- Việc thực hiện các quy định của Đảng và pháp luật về quản lý, sử dụng tài chính, tài sản.

- Việc thực hiện sự chỉ đạo, quy định, quyết định của cấp uỷ cấp mình và cơ quan tài chính cấp uỷ cấp trên.

- Việc hướng dẫn và kiểm tra về nghiệp vụ công tác tài chính đối với cơ quan tài chính cấp uỷ cấp dưới.

c) Đối với ngân sách do Nhà nước cấp: Uỷ ban kiểm tra và cơ quan tài chính cấp uỷ có thể phối hợp với cơ quan chức năng của Nhà nước tổ chức kiểm tra.

d) Đối với kiểm tra thu, nộp đảng phí: Chủ yếu do đảng uỷ trực thuộc cơ sở và uỷ ban kiểm tra đảng uỷ trực thuộc cơ sở tiến hành.

3.5.2. Đối tượng kiểm tra: Cấp uỷ cấp dưới và cơ quan tài chính cấp uỷ cùng cấp. Khi cần thiết thì kiểm tra tài chính các cơ quan, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp trực thuộc cấp uỷ cùng cấp.

3.6. Xem xét, kết luận những trường hợp vi phạm kỷ luật, quyết định hoặc đề nghị cấp thẩm quyền thi hành kỷ luật.

Căn cứ kết quả kiểm tra, đề nghị của tổ chức đảng và kết luận, kiến nghị, đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền nếu thấy tổ chức đảng, đảng viên vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì uỷ ban kiểm tra quyết định theo thẩm quyền hoặc đề nghị ban thường vụ cấp uỷ, cấp uỷ xem xét, quyết định kỷ luật.

3.7. Giải quyết tố cáo, giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng theo thẩm quyền đối với tổ chức đảng và đảng viên (chi tiết tại Chương IV, Chương V Quy định này).

3.8. Thẩm quyền và trách nhiệm

a) Yêu cầu tổ chức đảng và đảng viên có liên quan báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu theo nội dung kiểm tra và phải giữ bí mật thông tin, tài liệu.

b) Yêu cầu đối tượng kiểm tra phát huy ưu điểm, khắc phục, sửa chữa hạn chế, khuyết điểm, vi phạm (nếu có). Nếu phát hiện có dấu hiệu vi phạm (trừ thực hiện nhiệm vụ kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm) thì quyết định và tiến hành kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm.

c) Khi thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, uỷ ban kiểm tra được quyền yêu cầu, kiến nghị tổ chức đảng, cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thu hồi các văn bản trái quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; xem xét hoặc đề nghị cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ xem xét, xử lý theo thẩm quyền đối với các vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật.

d) Đề nghị cơ quan có thẩm quyền giám định chuyên môn, kỹ thuật liên quan đến nội dung kiểm tra, giám sát.

4. Tham mưu giúp cấp uỷ và thực hiện nhiệm vụ cấp uỷ giao

4.1. Chủ trì phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ cùng cấp tham mưu, giúp cấp uỷ thực hiện các nội dung tại Điểm 2.3, Khoản 2, Điểm 3.3, Khoản 3, Điều 4 Quy định này; xem xét, xử lý kỷ luật và giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng.

4.2. Tham gia các cuộc kiểm tra, giám sát do cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ, các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ cùng cấp chủ trì. Khi thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, báo cáo cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ yêu cầu, kiến nghị tổ chức đảng, cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thu hồi các văn bản trái chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; đề nghị cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ xem xét, xử lý theo thẩm quyền đối với các vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật.

4.3. Cùng các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ cùng cấp tham mưu, giúp cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ kết luận các cuộc kiểm tra, giám sát; sơ kết, tổng kết thực hiện công tác kiểm tra, giám sát; theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các kết luận kiểm tra, giám sát, quyết định của cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ sau các cuộc kiểm tra, giám sát. Phối hợp với văn phòng cấp uỷ giúp cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ lập và nộp lưu hồ sơ các cuộc kiểm tra, giám sát.

4.4. Hướng dẫn các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ cùng cấp và cấp uỷ, tổ chức đảng, uỷ ban kiểm tra cấp dưới về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng; chỉ đạo kiện toàn uỷ ban kiểm tra, tổ chức bộ máy cơ quan uỷ ban kiểm tra, xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra.

4.5. Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tuyên truyền, phổ biến công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng.

4.6. Trong công tác phòng, chống vi phạm pháp luật

a) Thực hiện kiểm tra, kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong: Công tác kiểm tra, thi hành kỷ luật đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; công tác cán bộ; đầu tư công, quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công; công tác xây dựng pháp luật, thực thi pháp luật; kiểm tra, giám sát trách nhiệm giải trình trong hoạt động công vụ; giáo dục cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư.

b) Trong quá trình kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án các vụ án, vụ việc nếu phát hiện vi phạm liên quan đến đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp uỷ cùng cấp quản lý thì thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trên chuyển thông tin, hồ sơ, tài liệu liên quan đến uỷ ban kiểm tra cùng cấp để kiểm tra, xử lý theo đúng quy định của Đảng.

Trong quá trình kiểm tra, giám sát nếu phát hiện tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị hoặc cá nhân có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự thì báo cáo, xin ý kiến cấp có thẩm quyền và chuyển hồ sơ, tài liệu liên quan cho cơ quan điều tra để thụ lý, xử lý theo quy định của pháp luật.

c) Uỷ ban kiểm tra kiểm tra, xử lý kịp thời, nghiêm minh các tổ chức đảng, đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp uỷ cùng cấp quản lý có dấu hiệu vi phạm trong các vụ việc, vụ án do các cơ quan chức năng thụ lý.

5. Thực hiện nhiệm vụ kiểm soát tài sản, thu nhập

5.1. Đối tượng kiểm soát: Đảng viên là cán bộ thuộc diện ban thường vụ cấp uỷ cùng cấp quản lý (theo phân cấp quản lý cán bộ) và đảng viên có nghĩa vụ kê khai, công khai tài sản, thu nhập công tác trong các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp uỷ; Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp và cấp dưới theo quy định.

5.2. Nội dung kiểm soát: Tài sản, thu nhập của đảng viên kê khai và của người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến tài sản, thu nhập của đảng viên (vợ hoặc chồng, con chưa thành niên).

5.3. Thẩm quyền kiểm soát tài sản, thu nhập: Uỷ ban kiểm tra cấp uỷ cơ sở trở lên.

Chương III
THI HÀNH KỶ LUẬT TRONG ĐẢNG

Điều 8. Nguyên tắc thi hành kỷ luật trong Đảng

1. Tổ chức đảng và đảng viên vi phạm kỷ luật phải được xử lý công minh, chính xác, kịp thời; tất cả tổ chức đảng, đảng viên đều bình đẳng trước kỷ luật của Đảng, nếu vi phạm đến mức phải kỷ luật đều phải xử lý kỷ luật nghiêm minh.

2. Đảng viên vi phạm pháp luật đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự thì chuyển cơ quan có thẩm quyền giải quyết, không được xử lý nội bộ. Nếu làm thất thoát tài chính, tài sản của Đảng, Nhà nước, của tổ chức, cá nhân thì phải xem xét trách nhiệm và bồi hoàn.

3. Đảng viên sau khi chuyển sinh hoạt đảng sang tổ chức đảng mới hoặc tổ chức đảng kết thúc hoạt động hoặc do chuyển giao, chia tách, hợp nhất, sáp nhập, nếu phát hiện hoặc bị tố cáo có vi phạm ở nơi sinh hoạt đảng trước đây mà chưa được xem xét, xử lý thì do tổ chức đảng cấp trên của các tổ chức đảng nơi quản lý đảng viên trước đây và hiện nay xem xét, xử lý hoặc giao tổ chức đảng cấp dưới xem xét, xử lý, chỉ đạo xem xét, xử lý theo thẩm quyền.

4. Việc thi hành kỷ luật đảng phải căn cứ nội dung, mức độ, tính chất, tác hại, ảnh hưởng, nguyên nhân vi phạm, hoàn cảnh cụ thể và các tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ để xem xét, quyết định cho phù hợp và phải chịu trách nhiệm về quyết định đó.

5. Kỷ luật đảng không thay thế kỷ luật hành chính, kỷ luật đoàn thể hoặc việc xử lý bằng pháp luật và ngược lại (trừ trường hợp có quy định khác). Tổ chức đảng sau khi xem xét, xử lý hoặc chỉ đạo việc xem xét, xử lý về kỷ luật đảng, chậm nhất 5 ngày phải chỉ đạo hoặc đề nghị với các tổ chức có trách nhiệm xem xét, xử lý kỷ luật về hành chính, đoàn thể hoặc xử lý hình sự cho đồng bộ, kịp thời.

Khi các tổ chức nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội đình chỉ công tác hoặc xử lý kỷ luật đối với cán bộ, hội viên, đoàn viên là đảng viên (kể cả quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật về hành chính của các cấp chính quyền hoặc bản án, quyết định của toà án) thì chậm nhất 5 ngày phải

chủ động thông báo cho tổ chức đảng quản lý đảng viên đó để xem xét, xử lý kỷ luật đảng. Sau khi giải quyết khiếu nại kỷ luật về Đảng, nếu có thay đổi hình thức kỷ luật thì tổ chức đảng có thẩm quyền chỉ đạo việc xem xét lại hình thức kỷ luật về hành chính, đoàn thể.

6. Đối với đảng viên là cấp uỷ viên các cấp hoặc cán bộ thuộc diện cấp uỷ, các cấp quản lý đã nghỉ hưu, từ chức, miễn nhiệm hoặc cho thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc đã chuyển công tác khác, nếu phát hiện có vi phạm khi đang công tác thì thẩm quyền thi hành kỷ luật của các tổ chức đảng được thực hiện như đang đương chức.

7. Đảng viên vi phạm đang trong thời gian mang thai, nghỉ thai sản, đang nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi hoặc đảng viên là nam giới (trong trường hợp vợ chết hoặc vì lý do khách quan, bất khả kháng khác) đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi thì chưa xem xét, xử lý kỷ luật, trừ trường hợp đảng viên đó có văn bản đề nghị xem xét, xử lý kỷ luật. Đảng viên đang trong thời gian điều trị bệnh hiểm nghèo hoặc đang mất khả năng nhận thức hoặc bị ốm nặng đang điều trị nội trú tại bệnh viện, có xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền (bệnh viện đa khoa khu vực và tương đương trở lên) thì chưa xem xét, xử lý kỷ luật; khi sức khoẻ ổn định (được ra viện) mới xem xét, xử lý kỷ luật. Trường hợp đảng viên vi phạm đã qua đời tổ chức đảng xem xét, không xử lý kỷ luật, trừ trường hợp có vi phạm đặc biệt nghiêm trọng.

8. Tổ chức đảng quyết định kỷ luật oan, sai đối với tổ chức đảng, đảng viên phải thay đổi hoặc huỷ bỏ quyết định đó, đồng thời xin lỗi và phục hồi quyền lợi đối với tổ chức đảng, đảng viên bị kỷ luật oan, tự phê bình, kiểm điểm, rút kinh nghiệm; nếu vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì cấp uỷ hoặc uỷ ban kiểm tra cấp trên xem xét, quyết định.

9. Đảng viên chính thức vi phạm nghiêm trọng đến mức phải khai trừ thì phải kỷ luật khai trừ, không áp dụng biện pháp xoá tên, không chấp nhận việc xin ra khỏi Đảng.

10. Đảng viên dự bị vi phạm đến mức phải kỷ luật thì kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo, khi hết thời hạn dự bị, chi bộ vẫn tiến hành xét công nhận đảng viên chính thức. Nếu vi phạm đến mức không còn đủ tư cách đảng viên thì xoá tên trong danh sách đảng viên.

11. Khi kỷ luật một tổ chức đảng phải xem xét trách nhiệm, xử lý kỷ luật đối với những đảng viên vi phạm, nhất là trách nhiệm người đứng đầu tổ chức đảng.

12. Tổ chức đảng, đảng viên bị kỷ luật oan phải được xin lỗi và phục hồi quyền lợi. Việc xin lỗi và phục hồi quyền lợi thực hiện theo quy định của Bộ Chính trị.

Điều 9. Hình thức kỷ luật của Đảng

1. Đối với tổ chức đảng: Khiển trách, cảnh cáo, giải tán.

2. Đối với đảng viên chính thức: Khiển trách, cảnh cáo, cách chức (nếu có chức vụ), khai trừ.

3. Đối với đảng viên dự bị: Khiển trách, cảnh cáo.

Điều 10. Thẩm quyền thi hành kỷ luật đảng viên vi phạm

1. Thẩm quyền của cấp uỷ, tổ chức đảng các cấp

1.1. Chi bộ quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong chi bộ (kể cả cấp uỷ viên các cấp, đảng viên thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý) vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá", sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ do chi bộ giao, nhiệm vụ đảng viên (trừ nhiệm vụ cấp trên giao).

a) Sau khi chi bộ quyết định kỷ luật khiển trách, cảnh cáo đối với cấp uỷ viên các cấp, cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý, phải báo cáo lên các cấp uỷ mà đảng viên đó là thành viên và cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra cấp uỷ quản lý cán bộ.

b) Việc cách chức, khai trừ cấp uỷ viên của chi bộ do chi bộ đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

c) Đối với cấp uỷ viên các cấp sinh hoạt tại chi bộ (từ cấp uỷ viên đảng uỷ trực thuộc cơ sở trở lên) và cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý, nếu vi phạm khi thực hiện nhiệm vụ do cấp trên giao mà phải áp dụng hình thức kỷ luật thì chi bộ đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

1.2. Đảng uỷ bộ phận có trách nhiệm thẩm tra việc đề nghị thi hành kỷ luật của chi bộ để báo cáo đề nghị cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ cấp trên quyết định theo thẩm quyền.

1.3. Ban thường vụ đảng uỷ trực thuộc cơ sở quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong đảng bộ nhưng không phải cấp uỷ viên cùng cấp hoặc cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý.

1.4. Đảng uỷ trực thuộc cơ sở quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên trong đảng bộ; cách chức cấp uỷ viên cấp dưới nhưng không phải là cấp uỷ viên cùng cấp hoặc cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý. Khiển trách, cảnh cáo đối với cấp uỷ viên cùng cấp, cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ do cấp uỷ cùng cấp giao; đối với cấp uỷ viên cùng cấp, cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý nếu vi phạm nhiệm vụ chuyên môn đến mức phải kỷ luật thì đảng uỷ trực thuộc cơ sở đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Trường hợp tất cả cấp uỷ viên của chi bộ và của đảng bộ trực thuộc cơ sở đều bị thi hành kỷ luật thì báo cáo tổ chức đảng có thẩm quyền cấp trên quyết định.

1.5. Ban thường vụ đảng uỷ cơ sở quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên; khiển trách, cảnh cáo cấp uỷ viên cấp dưới nhưng không phải cấp uỷ viên cùng cấp hoặc cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý.

1.6. Đảng uỷ cơ sở quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên; cách chức cấp uỷ viên cấp dưới nhưng không phải là cấp uỷ viên cùng cấp hoặc cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý; khiển trách, cảnh cáo đối với cấp uỷ viên cùng cấp, cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ do cấp uỷ giao.

1.7. Ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ và đảng uỷ trực thuộc Trung ương quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên nhưng không phải là cấp uỷ viên cùng cấp; quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp uỷ viên cùng cấp nhưng không phải đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý khi vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ chuyên môn được giao; cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý (kể cả trường hợp đã nghỉ công tác, nghỉ hưu) vi phạm nhiệm vụ đảng viên, nhiệm vụ do cấp uỷ cùng cấp giao. Trường hợp cách chức, khai trừ cấp uỷ viên cùng cấp thì báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

1.8. Cấp uỷ tỉnh, thành và đảng uỷ trực thuộc Trung ương quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên; quyết định khiển trách, cảnh cáo uỷ viên ban thường vụ cấp uỷ (đương chức và nghỉ hưu) đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ đảng viên, thực hiện nhiệm vụ do cấp uỷ giao.

1.9. Ban Bí thư, Bộ Chính trị quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, kể cả đảng viên là cán bộ thuộc diện Ban Bí thư, Bộ Chính trị quản lý; khiển trách, cảnh cáo Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng (kể cả Uỷ viên Bộ Chính trị, Uỷ viên Ban Bí thư, Uỷ viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng) vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ đảng viên, thực hiện nhiệm vụ chuyên môn được giao. Trường hợp cách chức, khai trừ thì báo cáo Ban Chấp hành Trung ương Đảng xem xét, quyết định.

1.10. Ban Chấp hành Trung ương Đảng là cấp quyết định kỷ luật cuối cùng; quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, kể cả Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Uỷ viên Bộ Chính trị, Uỷ viên Ban Bí thư.

2. Thẩm quyền của uỷ ban kiểm tra các cấp

2.1. Uỷ ban kiểm tra đảng uỷ trực thuộc cơ sở quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong đảng bộ (kể cả cấp uỷ viên chi bộ, cấp uỷ viên đảng uỷ bộ phận, cán bộ thuộc diện cấp uỷ cùng cấp quản lý nhưng không phải là cấp uỷ viên cùng cấp).

2.2. Uỷ ban kiểm tra đảng uỷ cơ sở quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên. Quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp uỷ viên cấp dưới trực tiếp (kể cả bí thư, phó bí thư, uỷ viên ban thường vụ cấp uỷ đương chức và nghỉ hưu); đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp uỷ cùng cấp quản lý nhưng không phải là cấp uỷ viên cùng cấp.

2.3. Uỷ ban kiểm tra tỉnh uỷ, thành uỷ và đảng uỷ trực thuộc Trung ương quyết định các hình thức kỷ luật đối với đảng viên, nhưng không phải cấp uỷ viên cấp dưới trực tiếp hoặc cán bộ do cấp uỷ tỉnh, thành và đảng uỷ trực thuộc Trung ương quản lý; khiển trách, cảnh cáo cấp uỷ viên cấp dưới trực tiếp (kể cả bí thư, phó bí thư, uỷ viên ban thường vụ cấp uỷ đương chức và nghỉ hưu); đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp uỷ cùng cấp quản lý nhưng không phải là cấp uỷ viên cùng cấp.

2.4. Uỷ ban Kiểm tra Trung ương quyết định các hình thức kỷ luật đối với đảng viên, cấp uỷ viên cấp cơ sở trở xuống; khiển trách, cảnh cáo, cách chức cấp uỷ viên tỉnh uỷ, thành uỷ và đảng uỷ trực thuộc Trung ương (kể cả bí thư, phó bí thư, uỷ viên ban thường vụ đương chức và nghỉ hưu), đảng viên là cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý nhưng không phải là Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Điều 11. Thẩm quyền thi hành kỷ luật tổ chức đảng vi phạm

1. Thẩm quyền của tổ chức đảng

a) Cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ từ cấp uỷ trực thuộc cơ sở trở lên có quyền kỷ luật tổ chức đảng cấp dưới.

b) Tổ chức đảng bị kỷ luật khiển trách, cảnh cáo do cấp uỷ hoặc ban thường vụ cấp uỷ cấp trên trực tiếp quyết định.

c) Tổ chức đảng bị kỷ luật giải tán do cấp uỷ hoặc ban thường vụ cấp uỷ cấp trên trực tiếp đề nghị, cấp uỷ hoặc ban thường vụ cấp uỷ cấp trên cách một cấp quyết định. Quyết định này phải báo cáo lên cấp uỷ cấp trên trực tiếp và Uỷ ban Kiểm tra Trung ương.

2. Thẩm quyền của uỷ ban kiểm tra

Uỷ ban kiểm tra các cấp xem xét, kết luận, đề xuất với cấp uỷ hoặc ban thường vụ cấp uỷ trong việc xử lý kỷ luật tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp; quyết định hình thức kỷ luật khiển trách, cảnh cáo tổ chức đảng trực thuộc cấp uỷ cấp dưới (tổ chức đảng cách một cấp trở xuống).

Điều 12. Trình tự xem xét thi hành kỷ luật

1. Trước khi quyết định kỷ luật, đại diện tổ chức đảng có thẩm quyền quyết định kỷ luật nghe đảng viên vi phạm hoặc đại diện tổ chức đảng vi phạm trình bày ý kiến và ý kiến này được báo cáo đầy đủ (kèm theo bản tự kiểm điểm) khi tổ chức đảng có thẩm quyền họp xem xét, quyết định kỷ luật. Hoặc đại diện tổ chức đảng vi phạm, đảng viên vi phạm có thể trình bày ý kiến trực tiếp với tổ chức đảng có thẩm quyền tại hội nghị xem xét, quyết định kỷ luật.

Nếu đảng viên hoặc người đại diện tổ chức đảng vi phạm không trực tiếp trình bày ý kiến với đại diện tổ chức đảng có thẩm quyền khi được yêu cầu thì báo cáo với tổ chức đảng đó bằng văn bản và phải nghiêm chỉnh chấp hành sau khi có quyết định kỷ luật.

2. Trình tự xem xét, quyết định kỷ luật đảng viên

2.1. Đảng viên vi phạm kỷ luật phải kiểm điểm trước chi bộ (trừ các trường hợp nêu tại Điểm 2.3, Khoản 2 Điều này), tự nhận hình thức kỷ luật; nếu từ chối kiểm điểm mà không có lý do chính đáng thì tổ chức đảng vẫn tiến hành xem xét kỷ luật. Trường hợp cần thiết, cấp uỷ và uỷ ban kiểm tra cấp có thẩm quyền trực tiếp xem xét kỷ luật.

2.2. Cấp uỷ hướng dẫn đảng viên vi phạm kỷ luật chuẩn bị bản tự kiểm điểm. Hội nghị chi bộ thảo luận, góp ý và kết luận rõ nội dung, tính chất, mức độ, tác hại, nguyên nhân vi phạm, các tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ và biểu quyết (đề nghị hoặc quyết định) kỷ luật. Đại diện cấp uỷ tham dự hội nghị chi bộ xem xét kỷ luật đảng viên là cấp uỷ viên hoặc cán bộ thuộc diện cấp uỷ quản lý.

2.3. Đảng viên vi phạm một trong các trường hợp sau thì cấp uỷ và uỷ ban kiểm tra có thẩm quyền trực tiếp xem xét, quyết định kỷ luật, không cần yêu cầu đảng viên đó phải kiểm điểm trước chi bộ: Vi phạm khi thực hiện nhiệm vụ cấp trên giao; nội dung vi phạm liên quan đến bí mật của Đảng và Nhà nước mà chi bộ không biết; vi phạm trước khi chuyển đến sinh hoạt ở chi bộ; vi phạm pháp luật đang bị khởi tố, tạm giam, truy nã, truy tố, xét xử.

2.4. Đảng viên sinh hoạt đảng tạm thời, nếu vi phạm kỷ luật thì cấp uỷ nơi đảng viên sinh hoạt tạm thời có trách nhiệm xem xét, xử lý kỷ luật tới mức cảnh cáo. Sau khi xử lý kỷ luật phải thông báo bằng văn bản cho cấp uỷ nơi đảng viên sinh hoạt chính thức biết.

2.5. Tổ chức đảng cấp trên có thẩm quyền khi phát hiện cấp uỷ viên các cấp, đảng viên thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý có vi phạm phải chỉ đạo tổ chức đảng cấp dưới, trước hết là chi bộ xem xét, xử lý kỷ luật theo thẩm quyền.

Trường hợp tổ chức đảng cấp dưới không xem xét, xử lý hoặc xử lý không đúng mức thì tổ chức đảng có thẩm quyền cấp trên xem xét, xử lý kỷ luật; đồng thời xem xét trách nhiệm của tổ chức đảng cấp dưới và người đứng đầu tổ chức đảng đó.

3. Trình tự xem xét, quyết định kỷ luật tổ chức đảng

3.1. Tổ chức đảng vi phạm phải tự kiểm điểm, tự nhận hình thức kỷ luật và báo cáo cấp uỷ cấp trên xem xét, quyết định.

3.2. Nếu tổ chức đảng sau khi chuyển giao, hợp nhất, sáp nhập, chia tách hoặc kết thúc hoạt động, đã giải thể mới phát hiện có vi phạm thì tổ chức đảng có thẩm quyền cấp trên của các tổ chức đảng đó xem xét, xử lý.

Điều 13. Kỷ luật cách chức đối với đảng viên

1. Đảng viên giữ nhiều chức vụ (kể cả chức vụ đương nhiệm hoặc chức vụ ở các nhiệm kỳ trước đó) vi phạm kỷ luật phải cách chức thì tuỳ mức độ, tính chất vi phạm mà cách một, một số hay tất cả các chức vụ hoặc phải khai trừ thì tổ chức đảng quản lý đảng viên đó quyết định.

2. Đảng viên tham gia nhiều cấp uỷ (trừ Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng) vi phạm đến mức phải cách chức cấp uỷ viên cao nhất hoặc khai trừ thì do ban thường vụ cấp uỷ cấp trên trực tiếp của cấp uỷ cấp cao nhất mà đảng viên đó là thành viên quyết định. Nếu phải cách chức cấp uỷ viên ở một cấp uỷ cấp dưới thì do ban thường vụ cấp uỷ quản lý đảng viên đó quyết định.

3. Đảng viên tham gia nhiều cấp uỷ, giữ nhiều chức vụ, bị kỷ luật cách chức một chức vụ đương nhiệm hoặc chức vụ trước đó, thì cấp uỷ hoặc ban thường vụ cấp uỷ có thẩm quyền phải xem xét các chức vụ khác, có thể cách chức hoặc cho thôi giữ một, một số hoặc tất cả các chức vụ khác.

4. Việc kỷ luật đối với uỷ viên uỷ ban kiểm tra là cấp uỷ viên tiến hành như đối với cấp uỷ viên. Nếu uỷ viên uỷ ban kiểm tra không phải là cấp uỷ viên thì việc kỷ luật khiển trách, cảnh cáo tiến hành như đối với cán bộ do cấp uỷ cùng cấp quản lý; trường hợp kỷ luật cách chức, khai trừ do cấp uỷ cùng cấp quyết định.

5. Cấp uỷ viên vi phạm đến mức cách chức thì phải kỷ luật cách chức, không để thôi giữ chức, không chấp nhận cho rút khỏi cấp uỷ.

Điều 14. Trình tự, thủ tục, cách thức bỏ phiếu thi hành kỷ luật

1. Sau khi xem xét, kết luận tổ chức đảng, đảng viên có vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật thì tổ chức đảng phải bỏ phiếu biểu quyết hình thức kỷ luật bằng phiếu kín. Thực hiện kiểm điểm ở tổ chức đảng nào thì bỏ phiếu đề nghị hoặc quyết định kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên ở tổ chức đảng đó.

2. Tổ chức đảng và đảng viên vi phạm không thuộc thẩm quyền quyết định kỷ luật của cấp mình thì đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định.

3. Cách tính số phiếu biểu quyết

3.1. Kết quả biểu quyết quyết định các hình thức kỷ luật cụ thể mà không có hình thức kỷ luật nào đủ số phiếu theo quy định, thì cộng dồn số phiếu từ hình thức kỷ luật cao nhất xuống đến hình thức kỷ luật liền kề thấp hơn, đến hình thức kỷ luật nào mà kết quả có đủ số phiếu theo quy định thì quyết định kỷ luật bằng hình thức đó.

3.2. Quyết định kỷ luật khiển trách, cảnh cáo, cách chức đối với đảng viên; khiển trách, cảnh cáo đối với tổ chức đảng phải được biểu quyết với sự đồng ý của trên một nửa số đảng viên chính thức hoặc thành viên của tổ chức đảng đó.

3.3. Trường hợp khai trừ đảng viên phải được ít nhất hai phần ba số đảng viên chính thức hoặc thành viên của tổ chức đảng đó nhất trí đề nghị và được sự nhất trí của trên một nửa số thành viên tổ chức đảng cấp trên có thẩm quyền quyết định.

3.4. Trường hợp giải tán tổ chức đảng phải được ít nhất hai phần ba số thành viên cấp uỷ cấp trên trực tiếp đề nghị, cấp uỷ cấp trên cách một cấp quyết định với sự đồng ý của trên một nửa số thành viên.

3.5. Một nửa hay hai phần ba quy định ở trên được tính trên tổng số đảng viên chính thức hoặc thành viên có quyền biểu quyết của tổ chức đảng, không tính trên số thành viên có mặt trong cuộc họp:

a) Ở chi bộ là tổng số đảng viên chính thức (trừ số đảng viên bị đình chỉ sinh hoạt đảng, bị khởi tố, tạm giam, truy tố, đảng viên đã được giới thiệu sinh hoạt tạm thời ở đảng bộ khác và đảng viên đã được miễn công tác, sinh hoạt đảng không có mặt tại cuộc họp); nếu đảng viên được giới thiệu sinh hoạt tạm thời, đảng viên đã được miễn công tác, sinh hoạt đảng đó có mặt ở cuộc họp, tham gia biểu quyết thì vẫn tính.

b) Ở cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ hoặc uỷ ban kiểm tra là tổng số cấp uỷ viên, uỷ viên ban thường vụ hoặc tổng số thành viên uỷ ban kiểm tra đương nhiệm (trừ số thành viên đã chuyển sinh hoạt đảng tạm thời không có mặt tại hội nghị, bị đình chỉ sinh hoạt đảng, bị khởi tố, tạm giam, truy tố).

Điều 15. Hiệu lực quyết định kỷ luật

1. Quyết định kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm có hiệu lực kể từ ngày ký (trừ quyết định kỷ luật thuộc thẩm quyền của chi bộ).

2. Quyết định khiển trách, cảnh cáo đối với đảng viên vi phạm của chi bộ có hiệu lực ngay sau khi chi bộ công bố kết quả biểu quyết quyết định kỷ luật. Trong vòng 10 ngày, chi bộ ban hành quyết định kỷ luật giao cho đảng viên bị kỷ luật, báo cáo cấp trên và lưu hồ sơ. Quyết định kỷ luật của chi bộ (trong đảng bộ bộ phận, trong đảng bộ trực thuộc cơ sở, trong đảng bộ cơ sở), của uỷ ban kiểm tra đảng uỷ trực thuộc cơ sở được đóng dấu của đảng uỷ trực thuộc cơ sở vào phía trên, góc trái. Đảng uỷ trực thuộc cơ sở hoặc cấp uỷ cơ sở không phải ra quyết định chuẩn y.

3. Tổ chức đảng có thẩm quyền sau khi ký quyết định kỷ luật hoặc quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng phải kịp thời công bố (trực tiếp hoặc uỷ quyền cho tổ chức đảng cấp dưới công bố) chậm nhất 10 ngày kể từ ngày ký. Tổ chức đảng cấp dưới được uỷ quyền chậm nhất 5 ngày kể từ ngày nhận được uỷ quyền phải công bố quyết định cho tổ chức đảng, đảng viên bị kỷ luật hoặc khiếu nại kỷ luật đảng. Nếu quá hạn trên phải báo cáo ngay với cấp có thẩm quyền quyết định.

4. Đề nghị của cấp dưới về kỷ luật cách chức, khai trừ đối với đảng viên và giải tán đối với tổ chức đảng nếu chưa được tổ chức đảng có thẩm quyền quyết định và công bố thì đảng viên đó vẫn được sinh hoạt đảng, sinh hoạt cấp uỷ, tổ chức đảng đó vẫn được hoạt động.

5. Quyết định của cấp dưới về kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm phải báo cáo lên cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra cấp trên trực tiếp; nếu đảng viên vi phạm tham gia nhiều cơ quan lãnh đạo của Đảng thì phải báo cáo các cơ quan lãnh đạo cấp trên mà đảng viên đó là thành viên.

6. Quyết định của cấp trên về kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm phải được thông báo đến cấp dưới, nơi có tổ chức đảng và đảng viên vi phạm; trường hợp cần thông báo rộng hơn thì do cấp uỷ có thẩm quyền quyết định.

7. Quyết định kỷ luật, quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật đối với tổ chức đảng hoặc đảng viên vi phạm phải được giao cho tổ chức đảng và đảng viên vi phạm để chấp hành. Nếu cần thông báo rộng hơn thì do cấp uỷ hoặc tổ chức đảng có thẩm quyền kỷ luật đối với tổ chức đảng, đảng viên quyết định.

8. Phạm vi thông báo các quyết định thi hành kỷ luật, quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật đối với đảng viên là cấp uỷ viên các cấp, cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý do cấp uỷ hoặc ban thường vụ cấp uỷ quản lý đảng viên đó quyết định.

9. Sau một năm kể từ ngày quyết định kỷ luật hoặc quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật có hiệu lực (trừ quyết định kỷ luật khai trừ đối với đảng viên

hoặc quyết định kỷ luật giải tán đối với tổ chức đảng), nếu tổ chức đảng, đảng viên không khiếu nại, không tái phạm hoặc không có vi phạm mới đến mức phải xử lý kỷ luật thì quyết định kỷ luật đương nhiên chấm dứt hiệu lực.

10. Trường hợp quyết định thay đổi hình thức kỷ luật khiển trách, cảnh cáo, đối với tổ chức đảng, đảng viên (kể cả trường hợp do tổ chức đảng cấp dưới thực hiện không đúng quy định, do thay đổi hình thức kỷ luật hoặc giải quyết khiếu nại về hành chính, đoàn thể) thì thời hạn chấp hành kỷ luật được tính từ ngày quyết định kỷ luật đầu tiên có hiệu lực.

Trường hợp quyết định thay đổi hình thức kỷ luật giải tán đối với tổ chức đảng, khai trừ đối với đảng viên thì thời hạn chấp hành kỷ luật được tính từ ngày quyết định kỷ luật thay thế có hiệu lực.

Điều 16. Kỷ luật đối với đảng viên vi phạm pháp luật

1. Khi cơ quan có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ, bắt, khám xét khẩn cấp, khởi tố bị can hoặc khi có bản án của toà án có thẩm quyền đối với công dân là đảng viên thì chậm nhất là 3 ngày, thủ trưởng cơ quan đó có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho tổ chức đảng trực tiếp quản lý đảng viên đó.

2. Đảng viên bị khởi tố, truy tố hoặc do cơ quan điều tra, viện kiểm sát, thanh tra, kiểm toán nhà nước cung cấp nội dung liên quan đến dấu hiệu vi phạm pháp luật thì tổ chức đảng có thẩm quyền chủ động, kịp thời kiểm tra, kết luận và xem xét, xử lý kỷ luật đảng viên có vi phạm đến mức phải xử lý, không chờ kết luận hoặc tuyên án của toà án hoặc kết luận của cơ quan điều tra, viện kiểm sát, thanh tra, kiểm toán; không cần quyết định cho đảng viên, cấp uỷ viên trở lại sinh hoạt mới xem xét, xử lý kỷ luật. Sau khi có bản án hoặc quyết định của toà án hoặc kết luận của cơ quan điều tra, viện kiểm sát, thanh tra, kiểm toán, nếu thấy cần thiết, tổ chức đảng có thẩm quyền kỷ luật xem xét lại việc kỷ luật đảng đối với đảng viên đó.

3. Đảng viên có vi phạm bị truy nã, tạm giam hoặc bị toà án tuyên phạt từ hình phạt cải tạo không giam giữ trở lên thì tổ chức đảng có thẩm quyền quyết định khai trừ hoặc xoá tên trong danh sách đảng viên (đối với đảng viên dự bị), không phải thực hiện đầy đủ các bước theo quy trình thi hành kỷ luật. Tổ chức đảng có thẩm quyền quyết định khai trừ hoặc xoá tên đảng viên thông báo bằng văn bản cho chi bộ nơi đảng viên sinh hoạt và các tổ chức đảng nơi đảng viên đó là thành viên. Đảng viên, cấp uỷ viên bị toà án tuyên phạt hình phạt thấp hơn hình phạt cải tạo không giam giữ, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét lại quyết định xử lý kỷ luật theo đúng quy định.

4. Trong quá trình kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án các vụ án, vụ việc tham nhũng, kinh tế, nếu phát hiện dấu hiệu vi phạm

pháp luật liên quan đến cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý thì người đứng đầu cấp uỷ của các cơ quan, đơn vị phải báo cáo ngay cho đồng chí Phó Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực là Thường trực Ban Bí thư, Chủ nhiệm Uỷ ban Kiểm tra Trung ương, Trưởng Ban Nội chính Trung ương để tham mưu cho đồng chí Tổng Bí thư, Trưởng Ban Chỉ đạo chỉ đạo xử lý; đồng thời chuyển ngay hồ sơ, tài liệu liên quan đến Uỷ ban Kiểm tra Trung ương; tại địa phương, nếu phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật liên quan đến cán bộ thuộc diện cấp uỷ tỉnh, thành uỷ quản lý thì báo cáo đồng chí Trưởng Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực để chỉ đạo xử lý; đồng thời chuyển ngay hồ sơ, tài liệu liên quan đến uỷ ban kiểm tra tỉnh uỷ, thành uỷ để kiểm tra, xử lý theo quy định của Đảng.

5. Đảng viên bị kết án oan, sai đã được toà án quyết định huỷ bỏ bản án hoặc thay đổi mức án, cơ quan có thẩm quyền đình chỉ vụ án, đình chỉ bị can thì các tổ chức đảng có thẩm quyền phải kịp thời xem xét lại quyết định kỷ luật đối với đảng viên đó, kể cả trường hợp đã chết.

Điều 17. Kỷ luật giải tán tổ chức đảng

1. Chỉ giải tán một tổ chức đảng khi tổ chức đảng đó có hành động chống đối chủ trương, quy định của Đảng; vi phạm đặc biệt nghiêm trọng nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng hoặc pháp luật của Nhà nước.

2. Những tổ chức đảng vi phạm một trong các nội dung sau đây thì giải tán

a) Có hành động chống đối quan điểm, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng với các hành vi cụ thể như: Tổ chức, kích động, xúi giục, cưỡng bức quần chúng mít tinh, biểu tình trái với quy định của pháp luật; xuyên tạc sự thật, xuyên tạc lịch sử, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng; có hành động cụ thể chống Đảng.

b) Vi phạm đặc biệt nghiêm trọng nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng hoặc pháp luật Nhà nước với các hành vi như: Bỏ ba kỳ liên tiếp không sinh hoạt; cố ý không chấp hành chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; chia rẽ bè phái, mất đoàn kết nghiêm trọng, không còn vai trò và tác dụng lãnh đạo đối với địa phương, đơn vị.

3. Tổ chức đảng bị kỷ luật giải tán, cấp uỷ cấp trên trực tiếp lập tổ chức đảng mới hoặc giới thiệu sinh hoạt đảng cho số đảng viên còn lại.

4. Đối với cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ bị kỷ luật giải tán, cấp uỷ cấp trên trực tiếp xem xét xử lý kỷ luật những thành viên của tổ chức đảng đó và chỉ định cấp uỷ, cấp uỷ bầu ban thường vụ cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra và chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra.

Chương IV
GIẢI QUYẾT TỐ CÁO ĐỐI VỚI TỔ CHỨC ĐẢNG VÀ ĐẢNG VIÊN

Điều 18. Nguyên tắc giải quyết tố cáo

1. Khi nhận được tố cáo, cơ quan có thẩm quyền phải kịp thời phân loại, nắm tình hình đơn tố cáo (người tố cáo, đối tượng bị tố cáo, nội dung tố cáo), giải quyết các trường hợp thuộc phạm vi trách nhiệm hoặc phối hợp với các tổ chức đảng có thẩm quyền để giải quyết; nếu không thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan mình thì chuyển đến các cơ quan, cá nhân có thẩm quyền giải quyết các đơn tố cáo hoặc xếp lưu theo quy định.

2. Thời hạn giải quyết tố cáo: Chậm nhất 60 ngày đối với cấp tỉnh, thành uỷ và đảng uỷ trực thuộc Trung ương trở xuống; 90 ngày đối với cấp Trung ương, kể từ ngày ký quyết định giải quyết tố cáo đến ngày ban hành thông báo kết luận giải quyết tố cáo (trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đề nghị giám định chuyên môn, kỹ thuật liên quan đến nội dung tố cáo).

Trường hợp vụ việc phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo 1 lần nhưng không quá 30 ngày, đồng thời phải thông báo cho người tố cáo, người bị tố cáo, tổ chức có liên quan biết. Sau khi giải quyết xong, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ban hành thông báo kết luận giải quyết tố cáo phải thông báo cho người tố cáo biết kết quả giải quyết tố cáo bằng hình thức thích hợp; trường hợp người tố cáo được mời (2 lần) nhưng không đến làm việc mà không có lý do chính đáng thì tổ chức đảng có thẩm quyền giải quyết tố cáo lập biên bản, không xem xét, giải quyết tố cáo, lưu hồ sơ kết thúc.

3. Trường hợp tố cáo có liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành, uỷ ban kiểm tra báo cáo cấp uỷ hoặc ban thường vụ cấp uỷ cùng cấp xem xét, giải quyết hoặc chỉ đạo phối hợp giải quyết.

4. Trường hợp người tố cáo xin rút nội dung tố cáo thì tổ chức đảng giải quyết tố cáo không xem xét, giải quyết nội dung tố cáo đó, trừ trường hợp có căn cứ xác định người tố cáo bị đe doạ, ép buộc, mua chuộc.

5. Tổ chức đảng quản lý đối tượng bị tố cáo phải bảo đảm quyền dân chủ của đảng viên và quần chúng trong việc giám sát, tố cáo, phản ảnh về tổ chức đảng và đảng viên có dấu hiệu vi phạm. Phối hợp và thực hiện yêu cầu của tổ chức đảng có thẩm quyền giải quyết tố cáo. Trong thời gian đang giải quyết, chưa kết luận thì tổ chức đảng quản lý đảng viên phải bảo đảm các quyền của đảng viên, của tổ chức đảng bị tố cáo; giáo dục và tạo điều kiện để đảng viên, tổ chức đảng thực hiện nghiêm các yêu cầu của tổ chức đảng giải quyết tố cáo.

6. Những người lợi dụng việc tố cáo để xuyên tạc sự thật, vu khống, tố cáo bịa đặt, đả kích, chia rẽ bè phái, gây rối nội bộ, tố cáo nhiều lần có dụng ý xấu phải được xem xét, xử lý nghiêm theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

7. Không giải quyết đơn tố cáo đang được cấp có thẩm quyền giải quyết; đơn tố cáo nặc danh, giấu tên, mạo tên, không rõ địa chỉ, không rõ nội dung và đơn tố cáo có tên đã được cấp có thẩm quyền xem xét, kết luận hoặc đã có thông báo không xem xét, giải quyết; đơn tố cáo do người tố cáo đã tự nguyện rút đơn nay tiếp tục tố cáo lại nhưng không cung cấp thêm nội dung, tài liệu, chứng cứ mới làm thay đổi bản chất sự việc; đơn tố cáo có tên nhưng nội dung không cụ thể, không có cơ sở, không có căn cứ để thẩm tra, xác minh; đơn tố cáo có tên nhưng trong nội dung của đơn không chứa đựng, phản ánh nội dung tố cáo đối với đảng viên, tổ chức đảng; đơn tố cáo không phải do người tố cáo trực tiếp ký tên hoặc điểm chỉ; đơn tố cáo có từ hai người trở lên cùng ký tên; đơn tố cáo của người không có năng lực hành vi dân sự.

Nếu đơn tố cáo nặc danh, giấu tên, mạo tên, nhưng rõ địa chỉ, đối tượng và nội dung tố cáo thì tổ chức đảng có thẩm quyền nắm tình hình để làm cơ sở kiểm tra, giám sát đối với tổ chức đảng, đảng viên bị tố cáo.

8. Tổ chức đảng và đảng viên nhận được tố cáo phải bảo đảm bí mật cho người tố cáo, hướng dẫn người tố cáo thực hiện đúng quy định của Đảng, Nhà nước và có biện pháp bảo vệ người tố cáo. Không để người bị tố cáo chủ trì giải quyết tố cáo đối với mình. Không để người tố cáo hoặc người có liên quan đến tố cáo giải quyết tố cáo.

9. Cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra các cấp giải quyết tố cáo phải xử lý hoặc đề nghị xử lý nghiêm những trường hợp sau: Truy tìm, trù dập, trả thù người tố cáo; cản trở, không xem xét, giải quyết tố cáo; bao che những việc làm sai trái của đối tượng bị tố cáo; để lộ tên người tố cáo cho đối tượng bị tố cáo biết; để lộ tên người tố cáo, nội dung tố cáo cho người không có trách nhiệm biết; người tố cáo lợi dụng việc tố cáo để xuyên tạc sự thật, vu khống, tố cáo mang tính bịa đặt, đả kích, gây dư luận xấu đối với người khác, các tổ chức, cơ quan, đơn vị có liên quan.

Điều 19. Thẩm quyền giải quyết tố cáo

1. Cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra có nhiệm vụ giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc phạm vi quản lý của cấp uỷ cùng cấp. Tổ chức đảng có nhiệm vụ giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng, đảng viên thuộc phạm vi phụ trách. Chi bộ có nhiệm vụ giải quyết tố cáo đối với đảng viên thuộc phạm vi quản lý.

2. Trường hợp đảng viên là cấp uỷ viên các cấp hoặc cán bộ thuộc diện cấp uỷ các cấp quản lý đã nghỉ hưu, từ chức, miễn nhiệm hoặc cho thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, nếu bị tố cáo vi phạm khi đang công tác thì thẩm quyền giải quyết tố cáo được thực hiện như đang đương chức.

Điều 20. Nội dung tố cáo phải giải quyết

1. Đối với tổ chức đảng: Những nội dung liên quan đến việc chấp hành chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng; đoàn kết nội bộ.

2. Đối với đảng viên: Những nội dung liên quan đến tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp uỷ viên và việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên; việc chấp hành chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; về nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, thực hiện chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn và phẩm chất, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên; về thực hiện trách nhiệm nêu gương; về "tự diễn biến", "tự chuyển hoá".

3. Những nội dung tố cáo mà uỷ ban kiểm tra chưa đủ điều kiện xem xét thì kiến nghị cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ phối hợp hoặc yêu cầu tổ chức đảng ở cơ quan, đơn vị cùng cấp có thẩm quyền giải quyết.

4. Kết luận giải quyết tố cáo phải nêu rõ đối với từng nội dung tố cáo: Tố cáo sai; tố cáo không có cơ sở, không đủ căn cứ kết luận; tố cáo đúng có khuyết điểm; tố cáo đúng có vi phạm.

Chương V
GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI KỶ LUẬT ĐẢNG

Điều 21. Phạm vi, đối tượng giải quyết khiếu nại

1. Giải quyết khiếu nại về nội dung vi phạm, hình thức kỷ luật trong quyết định kỷ luật và về nguyên tắc, thủ tục, quy trình, thẩm quyền thi hành kỷ luật mà tổ chức đảng, đảng viên bị kỷ luật có khiếu nại. Trong quá trình giải quyết, nếu phát hiện đảng viên khiếu nại có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn tố cáo thì cấp có thẩm quyền giải quyết khiếu nại xem xét, quyết định.

2. Đảng viên bị kỷ luật có khiếu nại chưa được giải quyết hoặc đang giải quyết đã qua đời thì tổ chức đảng vẫn xem xét, giải quyết; nếu thân nhân (cha, mẹ; vợ hoặc chồng; con; anh, chị, em ruột) đề nghị cho biết kết quả thì thông báo kết quả giải quyết khiếu nại bằng văn bản cho tổ chức đảng nơi cư trú và thân nhân người đó biết.

3. Không giải quyết những trường hợp khiếu nại sau: Quá thời hạn khiếu nại theo quy định; đang được cấp trên có thẩm quyền giải quyết; đã được cấp có

thẩm quyền cao nhất xem xét, kết luận, quyết định; bị toà án quyết định hình phạt từ cải tạo không giam giữ trở lên chưa được toà án có thẩm quyền quyết định huỷ bỏ bản án; khiếu nại hộ, khiếu nại khi chưa nhận được quyết định kỷ luật bằng văn bản của tổ chức đảng có thẩm quyền; từ chối nhận quyết định kỷ luật hoặc quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng.

Điều 22. Nguyên tắc khiếu nại và giải quyết khiếu nại

1. Nghiêm cấm các hành vi cản trở, không xem xét, giải quyết khiếu nại. Không khiếu nại vượt cấp khi chưa giải quyết xong. Không gửi đơn khiếu nại đến nhiều cấp, đến các tổ chức và cá nhân không có thẩm quyền giải quyết. Không khiếu nại hộ.

2. Trong khi chờ giải quyết khiếu nại, tổ chức đảng và đảng viên bị kỷ luật phải chấp hành nghiêm chỉnh quyết định kỷ luật. Khi tổ chức đảng cấp trên tiến hành giải quyết khiếu nại, các tổ chức đảng cấp dưới phải nghiêm túc xem xét lại quyết định của mình và chấp hành nghiêm quyết định giải quyết khiếu nại của tổ chức đảng cấp trên; trường hợp tổ chức đảng, đảng viên khiếu nại được mời (2 lần) nhưng không đến làm việc mà không có lý do chính đáng thì tổ chức đảng có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lập biên bản, không xem xét, giải quyết khiếu nại, lưu hồ sơ kết thúc.

3. Tổ chức đảng trực tiếp quản lý đảng viên khiếu nại phối hợp với uỷ ban kiểm tra, ban thường vụ cấp uỷ hoặc cấp uỷ để giải quyết khiếu nại; giáo dục và tạo điều kiện để người khiếu nại thực hiện đầy đủ các yêu cầu của uỷ ban kiểm tra, ban thường vụ cấp uỷ hoặc cấp uỷ; chấp hành nghiêm yêu cầu, kết luận hoặc quyết định giải quyết khiếu nại của uỷ ban kiểm tra, ban thường vụ cấp uỷ hoặc cấp uỷ cấp trên.

Điều 23. Thẩm quyền, trách nhiệm giải quyết khiếu nại

1. Việc giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng được tiến hành từ uỷ ban kiểm tra; ban thường vụ cấp uỷ hoặc cấp uỷ từ cấp trực thuộc cơ sở trở lên (sau đây gọi chung là ban thường vụ cấp uỷ), trừ trường hợp tổ chức đảng cấp trên quyết định kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên cách cấp.

2. Ban thường vụ cấp uỷ là cấp giải quyết khiếu nại kỷ luật lần đầu của tổ chức đảng, đảng viên đối với quyết định kỷ luật của uỷ ban kiểm tra cùng cấp.

3. Uỷ ban kiểm tra tỉnh uỷ, thành uỷ và đảng uỷ trực thuộc Trung ương là cấp giải quyết khiếu nại cuối cùng đối với hình thức kỷ luật khiển trách, cảnh cáo đảng viên do ban thường vụ cấp uỷ trực thuộc cơ sở trở xuống quyết định kỷ luật.

4. Ban thường vụ cấp uỷ tỉnh, thành uỷ và đảng uỷ trực thuộc Trung ương là cấp giải quyết khiếu nại cuối cùng đối với hình thức kỷ luật khiển trách, cảnh cáo đảng viên do ban thường vụ cấp uỷ cơ sở trở xuống quyết định kỷ luật (trừ trường hợp đã được giải quyết tại Khoản 3 Điều này); khiển trách, cảnh cáo tổ chức đảng do ban thường vụ cấp uỷ cấp cơ sở trở xuống quyết định kỷ luật.

5. Uỷ ban Kiểm tra Trung ương là cấp giải quyết khiếu nại cuối cùng đối với các hình thức kỷ luật cách chức đảng viên; khiển trách, cảnh cáo đảng viên do ban thường vụ cấp uỷ tỉnh, thành uỷ và đảng uỷ trực thuộc Trung ương trở xuống quyết định kỷ luật (trừ trường hợp đã được giải quyết tại Khoản 3, Khoản 4 Điều này).

6. Ban Bí thư là cấp giải quyết khiếu nại cuối cùng đối với hình thức kỷ luật khai trừ đảng viên (trừ trường hợp do Uỷ ban Kiểm tra Trung ương quyết định kỷ luật); khiển trách, cảnh cáo tổ chức đảng do cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương trở xuống quyết định (trừ trường hợp đã được giải quyết tại Khoản 4 Điều này).

7. Đối với các hình thức kỷ luật do Uỷ ban Kiểm tra Trung ương quyết định thì Bộ Chính trị là cấp giải quyết khiếu nại cuối cùng.

8. Đối với các hình thức kỷ luật do Ban Bí thư, Bộ Chính trị quyết định thì Ban Chấp hành Trung ương Đảng là cấp giải quyết khiếu nại cuối cùng.

9. Đối với trường hợp tổ chức đảng vừa ban hành quyết định kỷ luật hoặc quyết định giải quyết khiếu nại, nhưng do yêu cầu về tổ chức phải chuyển giao, chia tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc kết thúc nhiệm kỳ hoạt động mới phát sinh đơn khiếu nại trong thời hạn quy định thì tổ chức đảng tiếp nhận việc chuyển giao, chia tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc kết thúc nhiệm kỳ hoạt động đó thực hiện việc giải quyết khiếu nại tiếp theo.

Tổ chức đảng, đảng viên bị kỷ luật đang khiếu nại nhưng do kết thúc nhiệm kỳ hoạt động hoặc chia tách, sáp nhập thì tổ chức đảng có thẩm quyền vẫn xem xét, giải quyết và thông báo kết quả cho tổ chức đảng tiếp nhận việc kết thúc hoạt động, chia tách, hợp nhất, sáp nhập và đảng viên biết.

Điều 24. Thẩm quyền chuẩn y, thay đổi hoặc xoá kỷ luật

Uỷ ban kiểm tra cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ từ cấp trực thuộc cơ sở trở lên có thẩm quyền chuẩn y, thay đổi hoặc xoá bỏ hình thức kỷ luật đối với đảng viên, tổ chức đảng do tổ chức đảng cấp dưới quyết định. Trường hợp phải thay đổi bằng hình thức kỷ luật cao hơn, vượt quá thẩm quyền phải báo cáo tổ chức đảng có thẩm quyền cấp trên xem xét, quyết định.

Điều 25. Thời hạn khiếu nại, thời hạn giải quyết khiếu nại và thời hạn chuyển đơn khiếu nại không thuộc thẩm quyền giải quyết

1. Tổ chức đảng, đảng viên bị kỷ luật không đồng ý với quyết định kỷ luật hoặc quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật có quyền khiếu nại lên các tổ chức đảng cấp trên có thẩm quyền giải quyết. Thời hạn khiếu nại trong vòng 30 ngày, tính từ ngày nhận quyết định kỷ luật hoặc quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật (căn cứ ngày công bố quyết định) đến ngày tổ chức đảng, đảng viên bị kỷ luật gửi đơn khiếu nại trực tiếp hoặc theo dấu bưu điện chuyển đến (trừ trường hợp cấp thẩm quyền kiểm tra việc thi hành kỷ luật, kiểm tra việc giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng đối với tổ chức đảng, đảng viên của cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ và uỷ ban kiểm tra cấp dưới và quyết định thay đổi hình thức kỷ luật).

2. Khi nhận được đơn khiếu nại kỷ luật đảng, cấp có thẩm quyền phải tiến hành xác minh người khiếu nại, nội dung khiếu nại và thông báo cho tổ chức đảng hoặc đảng viên khiếu nại biết; hướng dẫn người khiếu nại thực hiện đúng quy định của Đảng. Thời hạn giải quyết khiếu nại chậm nhất là 60 ngày đối với cấp tỉnh, thành uỷ và đảng uỷ trực thuộc Trung ương trở xuống; 90 ngày đối với cấp Trung ương, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại (gửi trực tiếp hoặc theo dấu bưu điện chuyển đến) đến ngày ban hành quyết định giải quyết khiếu nại (trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đề nghị giám định chuyên môn, kỹ thuật liên quan đến nội dung khiếu nại). Trường hợp hết thời hạn mà chưa giải quyết xong thì được gia hạn 1 lần nhưng không quá 30 ngày, đồng thời phải có văn bản thông báo cho người khiếu nại biết.

3. Tổ chức đảng khi nhận được khiếu nại không thuộc thẩm quyền giải quyết thì chậm nhất 5 ngày phải chuyển cho tổ chức đảng có thẩm quyền giải quyết, đồng thời báo cho người khiếu nại biết.

4. Trong trường hợp bất khả kháng, người khiếu nại không thực hiện được quyền khiếu nại theo đúng thời gian quy định thì thời gian bất khả kháng đó không được tính vào thời gian khiếu nại.

Điều 26. Trình tự, thủ tục, phương pháp tiến hành

1. Sau khi xem xét, kết luận, tổ chức đảng phải biểu quyết bằng phiếu kín quyết định hình thức kỷ luật cụ thể. Việc tính số phiếu biểu quyết để quyết định hình thức kỷ luật thực hiện như quy định tại Khoản 3, Điều 14 Quy định này. Trường hợp biểu quyết quyết định hình thức kỷ luật cụ thể không đủ số phiếu theo quy định thì báo cáo tổ chức đảng cấp trên có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Khiếu nại kỷ luật đảng thuộc thẩm quyền giải quyết của ban thường vụ cấp uỷ hoặc cấp uỷ (kể cả Ban Bí thư, Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương) thì uỷ ban kiểm tra phối hợp với văn phòng cấp uỷ và các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ cùng cấp hoặc các tổ chức đảng có liên quan giúp ban thường vụ cấp uỷ hoặc cấp uỷ (ở Trung ương là Ban Bí thư, Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương) lập đoàn (tổ) giải quyết khiếu nại. Đoàn (tổ) giải quyết khiếu nại có trách nhiệm giải quyết và chuẩn bị hồ sơ vụ việc khiếu nại trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Uỷ ban kiểm tra sau khi giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng phải báo cáo ban thường vụ cấp uỷ cùng cấp. Ban thường vụ cấp uỷ sau khi giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng phải báo cáo cấp uỷ cùng cấp. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ban hành quyết định giải quyết khiếu nại, phải thông báo cho người khiếu nại biết.

4. Đảng uỷ bộ phận có trách nhiệm xem xét khiếu nại kỷ luật đảng của đảng viên do chi bộ quyết định nhưng không có quyền chuẩn y hoặc thay đổi, xoá bỏ hình thức kỷ luật mà phải đề nghị uỷ ban kiểm tra đảng uỷ, ban thường vụ đảng uỷ trực thuộc cơ sở hoặc đảng uỷ trực thuộc cơ sở xem xét, quyết định.

Chương VI
ĐÌNH CHỈ HOẠT ĐỘNG, SINH HOẠT ĐẢNG, CẤP UỶ

Điều 27. Trường hợp bị đình chỉ hoạt động, sinh hoạt đảng, cấp uỷ

1. Việc đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ của cấp uỷ viên, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng nhằm ngăn chặn hành vi gây trở ngại cho việc xem xét, kết luận của tổ chức đảng có thẩm quyền hoặc hành vi làm cho vi phạm trở nên nghiêm trọng hơn.

2. Đảng viên, cấp uỷ viên có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng kỷ luật đảng mà có hành vi cố ý gây trở ngại cho hoạt động của cấp uỷ và công tác kiểm tra của Đảng hoặc bị cơ quan pháp luật có thẩm quyền ra quyết định khởi tố, truy tố, thì phải đình chỉ sinh hoạt đảng (công bố quyết định đình chỉ tại các tổ chức đảng mà đảng viên đang sinh hoạt); cấp uỷ viên bị đình chỉ sinh hoạt đảng đương nhiên bị đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ.

3. Tổ chức đảng có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng kỷ luật đảng mà có hành vi cụ thể cố ý gây trở ngại cho hoạt động của tổ chức đảng, cho công tác lãnh đạo và kiểm tra của Đảng thì đình chỉ hoạt động.

Điều 28. Thẩm quyền đình chỉ hoạt động, sinh hoạt đảng, cấp uỷ

1. Đối với tổ chức đảng

1.1. Tổ chức đảng quyết định đình chỉ hoạt động của một tổ chức đảng là tổ chức đảng có thẩm quyền giải tán tổ chức đó.

1.2. Khi có đủ căn cứ phải đình chỉ mà tổ chức đảng cấp dưới không đề nghị đình chỉ hoặc không đình chỉ thì tổ chức đảng cấp trên có thẩm quyền ra quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, sinh hoạt cấp uỷ của cấp uỷ viên, đình chỉ chức vụ trong Đảng, đình chỉ công tác hoặc đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng. Quyết định đó được thông báo cho đảng viên, cấp uỷ viên bị đình chỉ sinh hoạt, tổ chức đảng bị đình chỉ hoạt động và các tổ chức đảng có liên quan để chấp hành.

2. Đối với đảng viên

2.1. Tổ chức đảng quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng, đình chỉ chức vụ trong Đảng, đình chỉ công tác của đảng viên là tổ chức đảng có thẩm quyền khai trừ đối với đảng viên đó.

2.2. Uỷ ban kiểm tra đảng uỷ cơ sở trở lên được quyền quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ của cấp uỷ viên cấp dưới trực tiếp khi có đề nghị của tổ chức đảng hoặc bị khởi tố; đình chỉ sinh hoạt đảng của cấp uỷ viên cấp dưới trực tiếp và đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp uỷ cùng cấp quản lý (ở Trung ương là Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý) nhưng không phải là cấp uỷ viên cùng cấp khi có đề nghị của tổ chức đảng hoặc bị tạm giam, truy tố.

3. Đối với cấp uỷ viên

3.1. Tổ chức đảng quyết định đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ của cấp uỷ viên là tổ chức đảng có thẩm quyền cách chức cấp uỷ viên đó.

3.2. Đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ của cấp uỷ viên do chi bộ hoặc ban thường vụ cấp uỷ, cấp uỷ cùng cấp đề nghị, uỷ ban kiểm tra hoặc ban thường vụ cấp uỷ, cấp uỷ cấp trên trực tiếp quyết định. Nếu đảng viên tham gia nhiều cấp uỷ thì uỷ ban kiểm tra hoặc ban thường vụ cấp uỷ, cấp uỷ phát hiện đảng viên có dấu hiệu vi phạm đề nghị, cấp có thẩm quyền cách chức cấp uỷ viên, khai trừ đảng viên đó quyết định.

4. Trong trường hợp cần thiết hoặc khi có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, người đứng đầu cấp uỷ có quyền tạm đình chỉ công tác đối với đảng viên là cán bộ cấp dưới theo quy định.

Điều 29. Thủ tục đình chỉ hoạt động, sinh hoạt đảng, cấp uỷ

1. Trường hợp đặc biệt, đối với những vụ việc đang trong quá trình điều tra, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán nhận thấy đảng viên có dấu hiệu liên quan đến trách nhiệm cá nhân hoặc có những dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng, nếu để đương chức sẽ gây trở ngại cho việc xem xét, kết luận, thì ngoài việc đã đình chỉ sinh hoạt đảng hoặc đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ, tổ chức đảng có thẩm quyền quyết định đình chỉ chức vụ trong Đảng mà đảng viên đó đang đảm nhiệm; đồng thời, giao trách nhiệm cho cấp uỷ quản lý đảng viên đó chỉ đạo tổ chức nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội quyết định đình chỉ chức vụ về chính quyền, đoàn thể theo thẩm quyền.

2. Sau khi kết thúc điều tra, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán nếu đảng viên đó vi phạm pháp luật thì xử lý theo quy định của pháp luật; đồng thời phải xem xét, thi hành kỷ luật về Đảng. Nếu đảng viên đó không vi phạm hoặc vi phạm không đến mức cách chức thì khôi phục lại chức vụ đã đình chỉ hoặc bố trí công tác khác.

3. Trường hợp tổ chức nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội đình chỉ chức vụ về chính quyền, đoàn thể đối với đảng viên thì thủ trưởng hoặc cấp uỷ, tổ chức đảng trong cơ quan của đảng viên đó phải kịp thời thông báo (chậm nhất là 5 ngày) cho uỷ ban kiểm tra cùng cấp để đề nghị tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét, quyết định việc đình chỉ sinh hoạt đảng, sinh hoạt cấp uỷ hoặc đình chỉ chức vụ về Đảng; chức vụ trong các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của cấp uỷ, các đơn vị sự nghiệp, trực thuộc cấp uỷ mà đảng viên đó đang đảm nhiệm.

4. Trong thời gian đảng viên bị đình chỉ sinh hoạt đảng, chức vụ; cấp uỷ viên bị đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ, tổ chức đảng bị đình chỉ hoạt động phải chấp hành nghiêm các yêu cầu của tổ chức đảng có thẩm quyền (tường trình sự việc, tự kiểm điểm về những vi phạm, thực hiện các nhiệm vụ được giao...); được đề đạt ý kiến của mình nhưng không được lấy danh nghĩa tổ chức đảng hoặc danh nghĩa cấp uỷ viên, danh nghĩa chức vụ đã bị đình chỉ để điều hành công việc.

5. Uỷ ban kiểm tra của cấp uỷ kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện việc đình chỉ sinh hoạt đảng, sinh hoạt cấp uỷ, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng thuộc phạm vi quản lý của cấp uỷ cùng cấp; giúp cấp uỷ làm các thủ tục đình chỉ sinh hoạt đảng, sinh hoạt cấp uỷ, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng theo đúng quy định.

Điều 30. Thời hạn đình chỉ sinh hoạt, hoạt động

1. Thời hạn đình chỉ sinh hoạt đảng đối với đảng viên (kể cả cấp uỷ viên), đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng là 90 ngày kể từ ngày ký quyết định; được gia hạn 1 lần nhưng không quá 30 ngày.

2. Thời hạn đình chỉ sinh hoạt đảng, sinh hoạt cấp uỷ viên khi bị khởi tố, truy tố tính theo thời hạn quy định của pháp luật (kể cả gia hạn, nếu có).

3. Thủ trưởng của cơ quan pháp luật có thẩm quyền quyết định khởi tố, tạm giam, truy tố, xét xử đối với công dân là đảng viên, cấp uỷ viên phải chỉ đạo thông báo ngay bằng văn bản (chậm nhất là 3 ngày) các quyết định trên (kể cả khi gia hạn) đến cấp uỷ hoặc uỷ ban kiểm tra của cấp uỷ quản lý đảng viên, cấp uỷ viên đó.

Điều 31. Việc quyết định cho đảng viên, cấp uỷ viên trở lại sinh hoạt đảng, sinh hoạt cấp uỷ và tổ chức đảng trở lại hoạt động

1. Tổ chức đảng có thẩm quyền phải xem xét, kết luận rõ nội dung vi phạm của đảng viên, cấp uỷ viên bị đình chỉ sinh hoạt đảng, sinh hoạt cấp uỷ, tổ chức đảng bị đình chỉ hoạt động để quyết định cho đảng viên, cấp uỷ viên trở lại sinh hoạt, tổ chức đảng trở lại hoạt động và xem xét, xử lý kỷ luật đảng bằng hình thức phù hợp; kịp thời chỉ đạo việc xem xét, xử lý kỷ luật về chính quyền, về đoàn thể. Trường hợp không thuộc thẩm quyền thì chỉ đạo hoặc kiến nghị các tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Khi đảng viên, kể cả cấp uỷ viên không còn bị tạm giam và không bị truy tố, chậm nhất là 5 ngày, đảng viên là thủ trưởng của cơ quan pháp luật hoặc tổ chức đảng ở các cơ quan pháp luật có trách nhiệm chỉ đạo thông báo kịp thời bằng văn bản đến cấp uỷ hoặc uỷ ban kiểm tra của cấp uỷ quản lý đảng viên, cấp uỷ viên đó để xem xét việc quyết định cho đảng viên, cấp uỷ viên trở lại sinh hoạt đảng và xem xét, xử lý kỷ luật đảng. Trường hợp đình chỉ điều tra thì quyết định cho cấp uỷ viên trở lại sinh hoạt cấp uỷ.

Trường hợp hết thời hạn tạm giam hoặc không bị tạm giam nhưng vẫn bị truy tố, xét xử, thì tổ chức đảng chưa quyết định cho đảng viên, cấp uỷ viên trở lại sinh hoạt đảng, cấp uỷ.

Điều 32. Thủ tục ra quyết định trở lại sinh hoạt, hoạt động

Tổ chức đảng nào quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ của cấp uỷ viên, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng thì tổ chức đảng đó quyết định cho đảng viên, cấp uỷ viên, tổ chức đảng trở lại sinh hoạt, hoạt động. Uỷ ban kiểm tra tham mưu giúp cấp uỷ chuẩn bị văn bản đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của cấp uỷ.

Chương VII
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 33. Cấp uỷ, tổ chức đảng các cấp tổ chức nghiên cứu, quán triệt và triển khai thực hiện Quy định này.

Điều 34. Ban Bí thư hướng dẫn cụ thể một số nội dung thực hiện Quy định này.

Điều 35. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, thay thế Quy định số 21-QĐ/TW, ngày 11/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng.

Trường hợp kiểm tra, giám sát đã thông qua dự thảo báo cáo thẩm tra, xác minh đối với đối tượng kiểm tra, giám sát trước thời điểm Quy định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo Quy định số 21-QĐ/TW, ngày 11/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

Tô Lâm

Nơi nhận:
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương;
- Các ban đảng Trung ương;
- Các đảng uỷ bộ, ngành, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương;
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương;
- Các đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng;
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.